Có thể chấp nhận một phần nào đó rằng cuộc Cách mạng là một sự tất yếu, nhưng nó trước hết là – và đó là điều mà những nhà văn theo thuyết định mệnh kể trên không hề chỉ ra – một cuộc đấu tranh không ngừng của các nhà lý luận thấm nhuần một lý tưởng mới chống lại những quy luật kinh tế, xã hội và chính trị từng dẫn dắt con người, nhưng là điều mà những con người này chưa từng hiểu được. Trong tình trạng không nhận rõ được những quy luật ấy, họ đã cố gắng một cách vô vọng đi ngược dòng chảy của sự vật, bực tức vì không thành công và đã gây ra mọi thứ bạo lực. Họ ngang ngược tuyên bố rằng tiền giấy với tên gọi là tín phiếu có giá trị giống như vàng, nhưng mọi lời đe dọa của họ cũng không ngăn được giá trị giả định này rơi xuống mức hầu như bằng không. Họ ban hành luật tối đa, nhưng luật này chỉ làm gia tăng thêm những nỗi khổ mà họ muốn giảm nhẹ. Robespierre tuyên bố tại Hội Quốc ước rằng “tất cả những người cách mạng sẽ được Kho bạc công trả lương, và Kho bạc công lại được các nhà giàu đóng góp” và bất chấp sự khám soát và máy chém, Kho bạc vẫn rỗng không.

Sau khi đập tan mọi sự cản trở, những người chỉ huy Cách mạng cuối cùng đã phát hiện ra rằng một xã hội không thể tồn tại mà không có những sự cản trở, nhưng khi họ muốn từ đó tạo ra những cản trở mới, họ cũng nhận ra rằng những kẻ mạnh nhất, kể cả được sự trợ lực của nỗi sợ hãi máy chém, cũng không thể thay thế được ảnh hưởng tinh thần tích lũy lâu dài bởi quá khứ trong những tâm hồn. Vì hiểu được sự tiến hóa của một xã hội, đánh giá được năng lực nhận thức và trái tim, lường trước được những hệ quả của các biện pháp đã quyết định, nên họ đã không bận tâm về những điều ấy bao giờ.

Các sự kiện cách mạng, như vậy, không hề phát xuất từ những sự tất yếu không thể khắc phục. Chúng từng là hệ quả của các nguyên tắc Jacobin nhiều hơn là của những tình huống, và lẽ ra đã có thể khác hẳn. Liệu cuộc Cách mạng này có vận hành đúng theo cách nó đã diễn ra, nếu trước đó Louis XVI đã được tư vấn tốt hơn hoặc nếu chỉ cần Hội đồng lập hiến tỏ rõ là ít nhút nhát hơn trước những đám dân chúng nổi loạn? Học thuyết về chủ nghĩa định mệnh cách mạng chỉ có ích cho việc biện minh bạo lực bằng cách trình bày nó như là sự biến không thể tránh được.

Bất luận là khoa học hay sử học, chúng ta đều phải hết sức cảnh giác với sự không hiểu biết được che dấu bằng thuật ngữ chủ nghĩa định mệnh. Thiên nhiên trước đây từng đầy rẫy những sự ngẫu nhiên mà khoa học chỉ mới phân tách được một cách chậm chạp. Đặc điểm của con người cao thượng là biết tìm cách phân tách chúng, như tôi đã chỉ rõ trong một nghiên cứu khác.

3. Những điều lưỡng lự của các nhà sử học cận đại về cuộc Cách mạng Pháp.

Các nhà sử học mà tư tưởng của họ được chúng tôi trình bày trong chương này, đều đã tỏ ra rất tự tin trong cả những lời công kích cũng như lời biện hộ. Bị giam hãm trong cái vòng tín ngưỡng, họ đã không cố gắng xâm nhập sâu đến tận cốt lõi của sự hiểu biết. Một nhà văn vô chính phủ đã tỏ ra thù địch một cách gay gắt đối với cuộc Cách mạng Pháp và một nhà văn tự do lại tỏ ra tán thưởng nó cũng không kém phần dữ dội.

Chúng ta thấy ngày nay đang manh nha một trào lưu chắc chắn sẽ tiến tới nghiên cứu cuộc Cách mạng Pháp như là một trong những hiện tượng khoa học mà trong đó những quan điểm và những tín ngưỡng của một tác giả ít can dự đến mức chính bạn đọc cũng không ngờ được.

Thời kỳ ấy vẫn còn chưa tới. Người ta mới chỉ thấy hé lộ thời kỳ của sự nghi ngờ, như là một giai đoạn tiền thân của nó. Những nhà văn tự do trước kia từng hết sức tự tin, đã bắt đầu không còn là chính họ nữa. Chúng ta sẽ xem xét trạng thái tâm hồn này qua mấy đoạn trích dẫn sau của những tác giả gần đây :

M. Hanotaux, sau khi ca ngợi ích lợi của cuộc Cách mạng, đã tự hỏi liệu những kết quả nó đem lại đã phải trả bằng cái giá quá đắt, rồi bổ sung thêm :

“Lịch sử đã do dự và sẽ còn do dự dài dài nữa mới tỏ rõ ý kiến.”

M. Madelin đã thể hiện biết bao điều do dự trong cuốn sách mà ông vừa cho xuất bản về cuộc Cách mạng Pháp.

“Tôi chưa bao giờ tự cảm thấy có uy tín đủ để đưa ra một nhận định dứt khoát, kể cả trong tòa án lương tâm, về một sự kiện phức tạp như cuộc Cách mạng Pháp. Đối với tôi còn khó hơn nữa để hôm nay đưa ra một nhận định thật ngắn gọn về nó. Nguyên nhân, sự kiện và hệ quả theo tôi còn phụ thuộc rất nhiều vào những cuộc tranh luận.”

Người ta còn nhận thấy rõ hơn sự chuyển hóa hiện nay của những tư tưởng cũ về cuộc Cách mạng khi lướt nhanh những bài viết mới của những người bênh vực chính thức của nó. Trong khi họ dám chắc là trước kia từng biện bạch cho mọi hành động bạo lực qua việc mô tả nó như những hành động tự vệ giản đơn, thì giờ đây lại giới hạn ở mức biện hộ cho những hoàn cảnh. Tôi tìm được một bằng chứng gây ấn tượng mạnh của trạng thái tinh thần mới này trong sách lịch sử nước Pháp dùng cho nhà trường xuất bản gần đây của các ông Aulard và Debidour. Chúng ta đọc được ở đấy về Trào lưu khủng bố những dòng như sau:

“Máu đã chảy rất nhiều; đã có những hành động bất công, những tội phạm bỉ ổi và vô ích cho Quốc phòng. Nhưng trong cơn giông bão ấy người ta đã không còn tỉnh táo nữa và liên miên bị quấy rầy bởi hàng ngàn mối nguy, những người yêu nước đánh đập điên cuồng.”

Chúng ta sẽ thấy trong một phần khác của công trình này rằng người thứ nhất trong hai người tôi vừa trích dẫn ở trên, mặc dù chủ nghĩa Jacobin không khoan nhượng của ông ta, lại tỏ ra rất ít rộng lượng đối với các nhân vật trước kia từng được đánh giá là “những người khổng lồ của Hội Quốc ước”.

Các đánh giá của những người nước ngoài về cuộc Cách mạng của chúng ta nói chung là khá nghiêm khắc và chúng ta sẽ không phải ngạc nhiên khi hồi nhớ lại Châu Âu ngày ấy đã phải chịu đựng đến mức nào trong suốt hai mươi năm đảo lộn của chúng ta.

Trước hết, người Đức đã tỏ ra cứng rắn nhất. Quan điểm của họ được tóm lược trong những dòng sau đây của ngài Faguet :

“Hãy biết cách nói ra điều đó một cách dũng cảm và với tinh thần yêu nước; vì chủ nghĩa yêu nước trước hết bao hàm việc nói ra sự thật với đất nước của mình: nước Đức nhìn thấy trong nước Pháp, qua những gì có được từ quá khứ, một dân tộc với những từ ngữ to tát về tự do và tình huynh đệ trên môi, từng đè nén, dẫm đạp, làm tổn thương, cướp bóc và trấn áp nước họ trong suốt mười lăm năm; còn với hiện tại thì đây là một dân tộc, cũng với những từ ngữ cao đạo trong các bài giảng, đang tổ chức ra một nền dân chủ chuyên chính, áp bức, phiền nhiễu và tốn kém và là một nền dân chủ không để cho ai bắt chước. Đó là những gì nước Đức có thể nhìn thấy trong nước Pháp, và đó là những gì theo các nhật báo và sách vở của họ mà chúng ta có thể tin chắc là nước Đức nhìn thấy.”

Vả chăng, dù giá trị của những sự đánh giá này đối với Cách mạng Pháp là thế nào chăng nữa, thì chúng ta cũng có thể tin chắc rằng các nhà văn của tương lai sẽ coi nó như một sự kiện vừa làm say mê, vừa bổ ích.

Một chính phủ phải khá là tàn bạo để đưa lên đoạn đầu đài hoặc dìm chết những người già tuổi tám mươi, những trinh nữ và cả những hài nhi bé bỏng, đồng thời phủ lên nước Pháp những phế tích mà lại vẫn đẩy lùi được cả châu Âu với súng ống trong tay; một công chúa nước Áo, hoàng hậu Pháp, chết dưới máy chém, rồi vài năm sau một công chúa khác, họ hàng với bà, đã thay thế bà trên cùng ngai vàng ấy nhờ cuộc hôn nhân với một thiếu úy đã lên ngôi hoàng đế, đó là những bi kịch lạ kỳ trong biên niên sử của loài người. Các nhà tâm lý học trước hết sẽ rút ra bài học từ một lịch sử còn rất ít được họ nghiên cứu cho đến nay. Họ rốt cuộc chắc chắn sẽ phát hiện ra rằng khoa học tâm lý chỉ tiến bộ được khi từ bỏ những lý thuyết ảo tưởng và những thí nghiệm trong phòng để nghiên cứu các sự kiện và những người quanh ta.

4. Tính không thiên vị trong Khoa học Lịch sử.

Sự công minh luôn luôn được xem như phẩm chất cốt yếu nhất của một nhà sử học. Mọi người, kể từ Tacite, đều khẳng định rằng họ là những người công minh.

Trong thực tế, nhà văn nhìn thấy các sự kiện như người họa sỹ nhìn một phong cảnh, nghĩa là với khí chất của mình, tính cách của mình và tâm hồn của dòng giống mình. Nhiều nghệ sỹ đứng trước cùng một phong cảnh tất yếu sẽ chuyển tải nó một cách khác nhau. Một số người sẽ nhấn mạnh những chi tiết mà những người khác lại bỏ qua. Mỗi phiên bản, do vậy, sẽ là một công trình cá nhân, nghĩa là được lý giải bằng một dạng nhất định của cảm xúc.

Điều đó cũng đúng với nhà văn. Như vậy, chúng ta không còn có thể nói về sự công minh của một nhà sử học hơn là của một họa sỹ.

Dĩ nhiên là nhà sử học có thể giới hạn ở việc sao chép lại những văn bản, và đó là khuynh hướng hiện thời. Nhưng những văn liệu này, đối với những thời kỳ cách đây chưa lâu, như cuộc Cách mạng Pháp chẳng hạn, do số lượng nhiều đến mức mà một đời người không thể đủ để lướt qua toàn bộ, nên chúng ta buộc phải lựa chọn.

Có đôi khi hữu ý, nhưng thông thường hơn cả là không chủ ý, tác giả chọn những tài liệu đáp ứng tốt nhất quan điểm chính trị, tôn giáo hay đạo đức của mình.

Như vậy là không thể nào làm ra được một cuốn sách lịch sử thực sự không thiên vị, trừ phi chấp nhận ở mức biên niên giản đơn bằng cách tóm tắt mỗi sự kiện trong một dòng và một mốc ngày tháng. Không một tác giả nào có thể làm được như vậy và cũng không nên hối tiếc là trước kia không một ai làm được như vậy. Tham vọng không thiên vị, rất phổ biến trong thời đại hiện nay, dẫn tới chỗ tạo ra những công trình nhạt nhẽo, buồn tẻ và chán ngắt một cách kỳ lạ, khiến cho chúng ta hoàn toàn không thể hiểu được một thời kỳ lịch sử.

Liệu nhà sử học, dưới danh nghĩa sự công minh, có nên tránh phán xét con người, nghĩa là nói về họ bằng những ngôn từ khâm phục hoặc nghiêm khắc?

Câu hỏi này, theo tôi, có hai lời giải rất khác nhau, tuy nhiên lại rất đúng tùy theo góc nhìn của người phán xét, tức là của nhà đạo đức học hay của nhà tâm lý học.

Nhà đạo đức học phải hoàn toàn nhằm vào lợi ích xã hội và chỉ phán xét con người theo tiêu chí lợi ích này. Chỉ riêng việc xã hội đang tồn tại và muốn tiếp tục tồn tại, nó đã buộc phải chấp nhận một lượng nhất định những quy tắc, duy trì một tiêu chí không thỏa hiệp của cái tốt và cái xấu, tạo ra theo đó những sự phân biệt rành mạch giữa những thói hư tật xấu và đức hạnh. Theo đó, nó có thể tạo ra những kiểu loại trung bình mà con người của một thời đại có thể đáp ứng ít nhiều, nhưng họ không thể đi chệch quá nhiều mà không gây nguy hiểm cho xã hội.

Chính là phải căn cứ vào những kiểu loại tương tự và những quy tắc phát sinh từ những nhu cầu thực tế của xã hội mà nhà đạo đức học phán xét con người của thời quá khứ. Khen ngợi những ai hữu ích, chê trách những người khác, họ xác lập được những kiểu loại đạo đức không thể thiếu cho sự đi lên của nền văn minh và dùng làm những mẫu mực. Các nhà thơ, như Corneille chẳng hạn, tạo ra hình tượng các anh hùng vượt lên trên đa số những người bình thường và có lẽ là không thể bắt chước được, đã góp phần to lớn vào việc kích thích những cố gắng của chúng ta. Cần phải luôn luôn đưa ra cho mỗi dân tộc những tấm gương anh hùng để nuôi dưỡng tâm hồn dân tộc.

Đó là góc nhìn của nhà đạo đức học. Góc nhìn của nhà tâm lý học lại khác hẳn. Trong khi một xã hội không có quyền trở nên rộng lượng, bởi vì nghĩa vụ đầu tiên của nó là phải sống, nhà tâm lý học phải giữ cho mình một thái độ vô tình. Trong khi xem xét sự vật với tư cách nhà khoa học, nhà tâm lý học không quan tâm đến giá trị sử dụng của chúng và chỉ cố gắng lý giải chúng. Vị trí của anh ta là vị trí của người quan sát trước một hiện tượng nào đó. Rõ ràng là rất khó đọc với cái đầu lạnh việc Carrier đã ra lệnh chôn các nạn nhân đến tận cổ để sau đó móc mắt họ và làm họ phải chịu sự đau đớn khủng khiếp. Tuy nhiên, để hiểu được những hành động ấy, cần phải kìm mình sao cho không phẫn nộ hơn so với một nhà tự nhiên học trước cảnh con nhện ăn thịt một cách chậm chạp con ruồi. Kể từ khi lý tính bị xúc động, nó sẽ không còn là lý lẽ nữa và cũng không còn giải thích được điều gì.

Vai trò của nhà sử học và của nhà tâm lý học không phải như chúng ta thấy là chúng giống nhau, nhưng chúng ta có thể yêu cầu đối với cả hai phải cố gắng phát hiện đằng sau những điều hiển nhiên nhìn thấy được những sức mạnh không nhìn thấy được đã tạo ra chúng.

Chương II. Những cơ sở tâm lý học của chế độ cũ

1. Chế độ quân chủ chuyên chế và những nền tảng của chế độ cũ.

Nhiều nhà sử học cam đoan rằng cuộc Cách mạng này được thực hiện để chống lại sự chuyên chế của chế độ quân chủ. Nhưng trong thực tế, từ lâu trước khi nó nổ ra, các vị vua của nước Pháp đã không còn là những vị vua chuyên chế.

Họ đã chỉ xuất hiện khá muộn và chỉ dưới triều đại Louis XIV mới đạt được quyền lực không thể chối cãi. Tất cả những vị vua trước đó, kể cả những người mạnh mẽ nhất, ví dụ như François Đệ nhất, đều buộc phải ủng hộ những cuộc đấu tranh liên miên hoặc là chống lại những lãnh chúa, hoặc là chống lại giới tăng lữ, hoặc là chống lại quốc hội, trong đó họ không phải bao giờ cũng là những kẻ mạnh nhất. François Đệ nhất mà chúng tôi vừa trích dẫn, thậm chí còn không có đủ quyền lực để chống lại Sorbonne và Quốc hội để bảo vệ những người thường lui tới gần gũi nhất. Người cố vấn và cũng là người bạn Berquin của ông ta do làm mếch lòng Sorbonne, đã bị bắt theo lệnh của chính Sorbonne. Nhà vua đã ra lệnh thả ông ta, nhưng bị Sorbonne từ chối. Nhà vua đành hạ mức xuống rút ông ta khỏi nơi ở của người gác cổng với sự giúp sức của mấy viên cảnh sát và không tìm được cách nào khác để bảo vệ ông ta hơn là giữ ở cạnh mình trong điện Louvre. Sorbonne đã không hề chịu thua. Một lần thừa lúc nhà vua đi vắng, Sorbonne đã ra lệnh bắt Berquin một lần nữa rồi đem xử tại Quốc hội. Bị kết án vào lúc mười giờ sáng, ông ta đã bị thiêu sống vào giữa trưa.

Được tạo dựng rất chậm chạp, quyền lực của các vị vua nước Pháp chỉ trở thành chuyên chế dưới thời Louis XIV. Nó lại bị suy giảm nhanh chóng sau đó và sẽ rất khó để có thể gọi chế độ của Louis XVI là chuyên chế.

Người mạo xưng là ông chủ này lại là kẻ nô lệ của triều đình, của các bộ trưởng, của giới tăng lữ và của giới quý tộc. Ông đã phải làm những gì người ta bảo phải làm và hiếm khi là những gì ông muốn. Không một người Pháp nào lại từng bị mất tự do hơn ông ta.

Những động lực mạnh mẽ của chế độ quân chủ trước hết nằm ở nguồn gốc thần thánh mà người ta đã từng gán cho nó và tiếp sau là những truyền thống được tích lũy lâu dài. Chúng cấu thành rường cột thực thụ của đất nước.

Nguyên nhân thực sự làm chế độ cũ biến mất chính là sự suy yếu của các truyền thống vốn là nền tảng của nó. Khi mà, sau những cuộc tranh luận lặp đi lặp lại, chúng không còn những người bảo vệ thì chế độ cũ sẽ sụp đổ giống như một tòa nhà bị phá móng.

2. Những điều bất lợi của chế độ cũ.

Một chế độ được dựng lên từ lâu thì bao giờ cũng khiến cho dân chúng dưới quyền cai trị tưởng như là có thể chấp nhận được. Thói quen sinh ra từ đấy che khuất những gì là bất lợi vốn dĩ chỉ hiện hình khi người ta nghĩ về chúng quá nhiều. Con người khi đó sẽ tự hỏi làm thế nào mà mình đã chịu đựng được bấy lâu nay. Con người thực sự bất hạnh là những ai tự cho mình là người khốn khổ.

Đó chính là niềm tin được tạo lập trong thời kỳ Cách mạng, do ảnh hưởng của các nhà văn mà sắp tới chúng ta sẽ tìm hiểu ảnh hưởng của họ. Những sự không hoàn thiện của chế độ cũ khi đó lộ ra trước mắt mọi người. Chúng rất nhiều. Chỉ cần trích ra đây một vài ví dụ.

Bất chấp uy quyền bề ngoài của chính quyền trung ương, vương quốc được hình thành từ việc chinh phục liên tiếp các tỉnh biệt lập, đã bị chia sẻ thành những lãnh thổ với luật lệ riêng, phong tục, tập quán riêng và nộp những khoản thuế khác nhau. Những thuế quan nội bộ phân cách chúng với nhau. Tính thống nhất của nước Pháp do vậy đã từng khá là giả tạo. Nó được coi là thể tập hợp của những quốc gia khác nhau mà những cố gắng không ngừng của các nhà vua, kể cả Louis XIV, đã không thành công trong việc thống nhất chúng một cách trọn vẹn. Công trạng hữu ích nhất của cuộc Cách mạng Pháp chính là việc thống nhất này.

Cùng với sự chia cắt về mặt vật chất như vậy còn có những chia cắt về xã hội kết thành từ những giai tầng quý tộc, tăng lữ, đẳng cấp thứ ba mà những hàng rào phân cách giữa chúng chỉ càng khó vượt qua hơn nhiều.

Coi sự phân cách giai cấp là một trong những sức mạnh của mình, chế độ cũ đã duy trì nó một cách chặt chẽ. Đó là nguyên nhân chính của sự hận thù mà nó đã sản sinh ra. Nhiều vụ bạo lực của giới tư sản đắc thắng thể hiện trước hết là sự trả thù vì một quá khứ dài từng bị khinh miệt và áp bức. Những vết thương của lòng tự ái là những gì mà ký ức khó bị xóa nhòa nhất. Đẳng cấp thứ ba phải chịu đựng điều đó nhiều hơn cả. Tại một cuộc họp Quốc hội năm 1614, nơi những đại diện của họ bị buộc phải quỳ gối, đầu trần, do một thành viên của đẳng cấp thứ ba đã dám nói rằng các giai cấp như ba người anh em, diễn giả thuộc giới quý tộc đáp lại: “rằng không hề có một tình cảm bác ái nào giữa giới quý tộc với đẳng cấp thứ ba, rằng những người quý tộc không muốn con cái của những người bán giày và của những người vá giày gọi họ là những người anh em.”

Mặc dù đã có những tiến bộ về tri thức, giới quý tộc và tầng lớp tăng lữ vẫn duy trì một cách ngoan cố những đặc quyền và những yêu cầu thực ra là vô lý kể từ khi những giai cấp này đã ngừng phát huy tác dụng.

Bị tước bỏ những chức năng công ích bởi chính quyền hoàng gia, một chính quyền đã ngờ vực họ, rồi lại bị thế chỗ dần dần bởi một tầng lớp tư sản ngày càng có khả năng hơn và có học hơn, giới tăng lữ và tầng lớp quý tộc chỉ còn giữ vai trò thể hiện vẻ lộng lẫy của xã hội. Quan điểm này đã được Taine làm sáng tỏ một cách rõ ràng.

Ông nói: “kể từ khi giai cấp quý tộc mất đi khả năng chuyên biệt của mình và đẳng cấp thứ ba đã tiếp thu được năng lực chung, hai giai cấp này trở nên ngang mức nhau về giáo dục và về tư cách, sự chênh lệch từng chia tách họ đã trở thành yếu tố gây tổn thương. Được bổ nhiệm theo tập quán, giai cấp qúy tộc không còn được công nhận theo ý thức, và đẳng cấp thứ ba thì nổi giận một cách chính đáng chống lại những đặc quyền mà không gì có thể biện minh, không phải là năng lực quý tộc, cũng không phải là sự bất lực của giới tư sản.”

Do tính cứng nhắc của các đẳng cấp được xác lập bởi một quá khứ lâu đời, người ta không nhìn ra được những gì đã có thể buộc giai cấp quý tộc và tầng lớp tăng lữ từ bỏ những đặc quyền của họ. Rõ ràng là họ rốt cuộc đã phải từ bỏ chúng trong một đêm đáng nhớ, khi mà các sự kiện đã ép họ phải làm như vậy, nhưng đã quá muộn, và cuộc Cách mạng vừa bùng phát đã tiếp tục dòng chảy của mình.

Chắc chắn là những tiến bộ thời hiện đại đã tuần tự tạo ra tất cả những gì mà cuộc Cách mạng Pháp đã tạo ra: sự bình đẳng giữa các công dân trước pháp luật, việc loại bỏ những đặc quyền do nguồn gốc,... Mặc dù đầu óc bảo thủ của người Latinh, những điều này đã được tiếp nhận như chúng đã từng tồn tại bởi phần lớn các dân tộc. Bằng cách này, lẽ ra chúng ta đã có thể tránh được hai mươi năm chiến tranh và sự tàn phá, nhưng để tránh được chúng, cần phải có một kết cấu tinh thần khác với của chúng ta và trước hết là của những chính khách khác với những chính khách thời ấy.

Sự thù nghịch sâu sắc của giới tư sản chống lại các giai cấp mà truyền thống đã duy trì trên đầu họ từng là một trong những nhân tố quan trọng gây ra cuộc Cách mạng và lý giải một cách hoàn hảo rằng sau khi chiến thắng, giới tư sản đã tước đoạt của cải của những kẻ thua trận. Giai cấp này cư xử khi đó như là những người chinh phục, giống như Guillaume le Normand đã chia đất cho lính của mình sau khi chinh phục được nước Anh.

Nhưng nếu giới tư sản ghét giới quý tộc, nó lại không có chút hằn thù nào với vương quyền là thứ mà nó tưởng như là không thể thay thế được. Sự vụng về của nhà vua và những lời kêu gọi của ông ta với nước ngoài chỉ đi đến kết quả rất chậm là khiến ông ta trở nên không hợp lòng dân.

Quốc hội thứ nhất chưa bao giờ nghĩ đến việc thành lập một nhà nước cộng hòa. Bảo hoàng cao độ, thực vậy, nó từng mơ ước đơn giản là thay thế nền quân chủ tuyệt đối bằng một nền quân chủ lập hiến. Duy chỉ có ý thức về quyền lực đang lớn dần của nó đã làm nó thêm phẫn nộ trước sự phản kháng của nhà vua. Tuy vậy, nó đã không dám lật đổ ông ta.

3. Đời sống trong chế độ cũ.

Khó có thể hình thành được một ý tưởng rõ rệt về đời sống trong chế độ cũ và trước hết là về tình trạng thực tế của nông dân.

Những nhà văn bảo vệ Cách mạng, cũng như các nhà thần học bảo vệ những giáo điều tôn giáo, đã vẽ nên những bức tranh tối tăm về sự tồn tại của những người nông dân trong chế độ cũ đến mức khiến người ta phải tự hỏi làm thế nào mà những con người bất hạnh ấy lại không bị chết hết vì đói khát từ lâu rồi. Một ví dụ điển hình về cách mô tả như vậy có thể tìm thấy trong sách của ngài A. Rambaud, trước kia từng là giáo sư tại đại học Sorbonne xuất bản dưới cái tên Lịch sử của cuộc Cách mạng Pháp. Trong sách này người ta chú ý đặc biệt đến một tranh khắc với lời chú là “Sự khốn cùng của người nông dân dưới thời Louis XIV”. Ở tiền cảnh là một người đàn ông đang tranh nhau với mấy con chó những mẩu xương đã bị róc hết thịt. Bên cạnh ông ta là một người bất hạnh đang gập người xuống đồng thời bóp nén bụng lại. Xa hơn một chút là người đàn bà đang cúi rạp người xuống ăn cỏ. Tại hậu cảnh có những nhân vật, mà người ta không thể nói là những thi thể hay những tấm thân bị bỏ đói, nằm dài ngổn ngang trên mặt đất. Như một ví dụ về chính quyền thời đó, tác giả cam đoan rằng “Một chỗ làm việc của cảnh sát phải trả giá 800 đồng bảng (nguyên bản để là đồng bảng - ND) trong khi nó có thể đem lại món lợi 400.000 đồng”. Những con số như vậy có thể chỉ ra, trên thực tế, một sự vô tư cao độ từ phía người bán những chỗ làm sinh lời này. Ông còn khẳng định với chúng ta rằng: “chỉ với giá là 420 đồng bảng đã có thể ra lệnh bắt người, và rằng “dưới thời Louis XV, người ta đã phát ra hơn 150.000 chiếu tống giam”.

Phần lớn những sách về Cách mạng đều được thiết kế với rất ít sự công minh và óc phê phán, vì vậy mà giai đoạn này, thực tế, vẫn còn rất ít được thấu hiểu.

Đương nhiên là văn liệu không thiếu, nhưng chúng lại hết sức mâu thuẫn với nhau. Đối lại với bản trần thuật nổi tiếng của La Bruyere, người ta có thể đưa ra bức phác họa đầy nhiệt tình do một khách du lịch Anh tên là Young thực hiện về trạng thái phồn thịnh của những người nông dân mà ông ta đã tới thăm.

Liệu có thực là họ bị thuế nặng đè bẹp, và phải chăng họ đã nộp tới bốn phần năm thu nhập, như người ta từng khẳng định, thay vì chỉ có một phần năm, thời nay? Không thể có câu trả lời chắc chắn cho điều đó. Có một sự thật cốt yếu, tuy nhiên, dường như xác nhận rằng trong chế độ cũ tình trạng sống của người dân nông thôn không thể quá khốn khó, bởi vì hầu như người ta đã được xác định là hơn một phần ba đất đai do những người nông dân mua.

Chúng ta được biết nhiều hơn về việc quản lý tài chính. Nó đã từng mang tính áp bức cao độ và hết sức phức tạp hóa. Ngân sách, thông thường hơn cả, là thiếu hụt và thuế khóa các loại được thu bởi những quan thầu thuế bạo ngược. Ngay trong thời khắc cuộc Cách mạng, tình trạng tài chính này đã trở thành nguyên nhân gây ra sự bất bình toàn diện, được thể hiện trong những tập điều trần của Quốc hội. Tuy nhiên cũng cần nhận xét thêm rằng những tập điều trần này không phản ánh một tình thế trước kia, mà là một tình thế đương thời nảy sinh do cuộc khủng hoảng của sự khốn khó bởi mùa thu hoạch kém vào năm 1788 và bởi mùa đông khắc nghiệt 1789. Điều gì lẽ ra đã được mô tả cũng trong những tập điều trần này sớm hơn mười năm?

Mặc dù những tình huống bất lợi này, chúng không hề chứa đựng một ý tưởng cách mạng nào. Những tập điều trần tiến xa nhất cũng chỉ yêu cầu một cách đơn giản là các loại thuế chỉ nên thu với sự thỏa thuận của Quốc hội và ai cũng phải nộp. Cũng những tập điều trần này đôi khi mong muốn quyền lực của nhà vua được hạn chế bằng một bản hiến pháp quy định những quyền của nhà vua và những quyền của dân tộc. Nếu như những điều mong muốn này đã được chấp nhận thì một nền quân chủ chuyên chế đã có thể dễ dàng được thay thế bằng một nền quân chủ lập hiến và rất có thể đã tránh được cuộc Cách mạng này.

Nhưng tiếc thay, giới quý tộc và giới tăng lữ đã rất mạnh và vua Louis XVI lại quá yếu để một giải pháp như vậy có thể khả thi.

Vả chăng, nó đã trở nên rất khó khăn do những đòi hỏi của giai cấp tư sản có ý định thay thế giai cấp quý tộc và đã trở thành tác giả thực sự của cuộc Cách mạng. Phong trào được giai cấp tư sản làm bung ra đã nhanh chóng vượt quá những khát vọng, nhu cầu và hy vọng của nó. Nó đã đòi hỏi sự bình đẳng có lợi cho nó, nhưng nhân dân cũng mong muốn cho mình. Cuộc Cách mạng đã kết thúc theo cách trở thành chính phủ của nhân dân, mà trước hết nó không phải là thế và cũng hoàn toàn không có ý định trở thành như thế.

4. Sự tiến hóa của ý thức quân chủ trong tiến trình cuộc Cách mạng Pháp.

Mặc dù sự chậm chạp trong tiến hóa của các yếu tố tình cảm, có điều chắc chắn là trong tiến trình Cách mạng các tình cảm, không chỉ của nhân dân, mà còn của cả những đám tập hợp cách mạng, đối với nền quân chủ đã biến đổi rất nhanh chóng. Giữa thời khắc mà các vị lập pháp của cuộc tập hợp cách mạng thứ nhất đang dành cho Louis XVI sự kính trọng và thời điểm mà mà họ chặt đầu ông ta chỉ có ít năm trôi qua.

Những thay đổi ấy, mang tính bề mặt hơn tầm sâu, trên thực tế chỉ đơn giản là một sự chuyển hóa của những tình cảm thuộc cùng một loại. Tình yêu mà con người thời ấy bày tỏ công khai cho nhà vua, họ lại chuyển sang cho chính phủ kế thừa quyền lực của ông ta. Cơ thức của một sự chuyển hóa như vậy có thể dễ dàng được làm rõ.

Dưới chế độ cũ, nhà vua duy trì quyền lực thiên tính, do vậy, được trao một sức mạnh siêu nhiên. Hướng về ông là tất cả nhân dân từ những vùng sâu xa của nông thôn.

Đức tin thần bí này vào quyền lực tuyệt đối của của quốc vương chỉ bị lung lay khi những thể nghiệm liên tiếp chỉ ra rằng quyền lực dành cho con người được tôn thờ là ảo. Khi đó ông ta sẽ mất uy thế. Vậy mà khi uy thế bị mất, những đám đông không tha thứ cho vị Chúa bị lật đổ do đã bị lừa phỉnh về ông ta và lại đi tìm thần tượng mà họ không thể không cần.

Ngay từ đầu cuộc Cách mạng, nhiều sự kiện lặp đi lặp lại hàng ngày đã chỉ ra cho những người sùng đạo nhất rằng vương quyền không còn quyền lực nữa và rằng còn có những sức mạnh khác không những đủ khả năng chống lại chế độ quân chủ, mà còn sở hữu một sức mạnh cao hơn.

Quần chúng nhân dân, trên thực tế, còn có thể nghĩ gì về sức mạnh của hoàng gia, khi họ thấy nhà vua đang bị một Quốc hội làm cho bất lực và không có khả năng bảo vệ, ngay giữa Paris, ngôi pháo đài tốt nhất của mình chống lại cuộc tấn công của những băng đảng vũ trang.

Như vậy, sự yếu kém của hoàng gia đã rõ ràng, trong khi đó sức mạnh của Quốc hội tỏ ra ngày càng lớn mạnh hơn. Vậy mà, trong con mắt của những đám đông, sự yếu kém không hề là ảo giác, họ luôn có khuynh hướng quay về phía sức mạnh.

Trong những đám đông, các tình cảm, mặc dù luôn tỏ ra rất linh động, không tiến hóa được nhanh đến vậy, do đó mà lòng tin vào chế độ quân chủ vẫn còn đó ngay cả trong cuộc đánh chiếm ngục Bastille, trong cuộc chạy chốn của nhà vua và trong thỏa thuận của ông ta với các hoàng đế nước ngoài.

Lòng tin vào chế độ quân chủ trong khi đó vẫn còn mạnh đến nỗi mà những cuộc nổi dậy ở Paris và những sự kiện dẫn tới cuộc hành hình vua Louis XVI vẫn không đủ để làm sụp đổ hẳn tại các tỉnh lẻ lòng thành kính lâu đời từng bao bọc chế độ quân chủ xưa.

Lòng tin ấy vẫn tồn lưu dai dẳng trên phần lớn đất Pháp trong suốt tiến trình của cuộc Cách mạng và là cội nguồn của những cuộc mưu phản bảo hoàng và của những cuộc khởi nghĩa tại nhiều tỉnh mà Hội Quốc ước phải tốn bao công sức để đàn áp. Lòng tin bảo hoàng đã biến khỏi Paris, nơi mà sự yếu kém của nhà vua đã quá rõ ràng; nhưng trong các tỉnh lẻ, chính quyền hoàng gia, kẻ đại diện cho Chúa trời nơi hạ giới, vẫn còn giữ được uy quyền. Những tình cảm bảo hoàng chắc là phải ăn sâu cắm rễ trong tâm khảm, nên cả đoạn đầu đài cũng đã không thể bóp chết được chúng. Các phong trào bảo hoàng cũng tồn tại dai dẳng, thực vậy, trong suốt tiến trình Cách mạng và càng rõ nét hơn trước hết dưới thời Đốc chính, khi mà 49 tỉnh đã cử tới Paris những đại biểu bảo hoàng, đã châm ngòi cho cuộc đảo chính của Fructidor từ phía Ban Đốc chính.

Những tình cảm với chế độ quân chủ này, bị đẩy lùi một cách khó khăn bởi cuộc Cách mạng, đã góp phần tạo thuận lợi cho sự thành công của Bonaparte, khi ông đến chiếm ngai vàng của những vị vua xưa và khôi phục lại một phần lớn những gì thuộc chế độ cũ.

Chương III. Tình trạng vô chính phủ về tinh thần vào thời điểm Cách mạng Pháp và vai trò được gán cho các triết gia

1. Cội nguồn và sự truyền bá của các tư tưởng cách mạng.

Đời sống bên ngoài của con người trong mỗi thời đại đều được khuôn theo một đời sống bên trong, được dựng trên một nền tảng gồm những truyền thống, những tình cảm, những ảnh hưởng đạo đức điều khiển hành vi của họ và duy trì một số khái niệm cơ bản mà họ phải chấp nhận không không tranh cãi.

Giá mà sự kháng cự của cái nền tảng ấy yếu đi, và những tư tưởng không có ảnh hưởng có thể có trước kia sẽ gieo mầm và phát triển. Một số lý thuyết, từng thành công lớn trong thời gian Cách mạng, sẽ có thể vấp phải những bức tường không thể vượt qua được từ hai thế kỷ sớm hơn.

Những nhận định này được đưa ra nhằm nhắc lại rằng những sự kiện bên ngoài của các cuộc cách mạng bao giờ cũng là hệ quả của những sự chuyển hóa không nhìn thấy được diễn ra trong tâm hồn. Việc nghiên cứu sâu về một cuộc cách mạng, do vậy, đòi hỏi phải nghiên cứu sâu lãnh địa tinh thần, trên đó đã gieo mầm những tư tưởng mà sau này sẽ quyết định từng bước đi của nó.

Nhìn chung rất chậm, sự tiến hóa của các tư tưởng vẫn là những gì không nhìn thấy được trong thời gian của một thế hệ. Chúng ta chỉ hiểu được tầm mở rộng của nó bằng cách so sánh trạng thái tinh thần của chính những giai cấp xã hội tại những đầu mút của đường cong vẽ nên bởi đường đi của những trí tuệ. Để nhận ra được những tư tưởng khác nhau mà con người có học thức dưới thời Louis XIV và Louis XVI đã tạo ra được từ chế độ quân chủ, chúng ta có thể so sánh các lý thuyết chính trị của Bossuet và Turgot.

Bossuet đã biểu đạt những luận thuyết chung của thời đại mình về chế độ quân chủ chuyên chế, khi ông xây nền móng cho quyền lực của một chính phủ theo ý của Chúa Trời, người phân xử duy nhất những hành động của các vị vua vốn luôn luôn vô trách nhiệm đối với con người. Lòng tin tôn giáo khi ấy cũng mạnh mẽ như lòng tin vào chế độ quân chủ mà nó cảm thấy như không thể tách ra được và không một triết gia nào sẽ có thể lay chuyển được.

Những tác phẩm của các bộ trưởng cải cách thời Louis XVI, ví dụ như những văn bản của Turgot, lại được khuấy động bởi một tinh thần hoàn toàn khác. Ông này hầu như không nói gì về quyền lực thần thánh của các vị vua, trong khi quyền của nhân dân lại bắt đầu được khắc họa rõ nét.

Nhiều sự kiện đã góp phần chuẩn bị cho một sự tiến hóa như vậy: chiến tranh khốn khó, nạn đói, thuế khóa, sự nghèo khổ tràn lan vào cuối thời trị vì của vua Louis XV,... Bị rung chuyển từ từ, sự kính trọng đối với chính quyền của nhà nước quân chủ đã được thay thế bằng sự nổi loạn của những ý thức đã sẵn sàng biểu lộ một khi xuất hiện cơ hội thích hợp.

Toàn bộ nền tảng tâm thần đang manh nha chia tách sẽ rã ra sau đó một cách nhanh chóng. Đó là lý do vì sao mà vào thời điểm của cuộc Cách mạng, chúng ta thấy lan truyền nhanh chóng đến như vậy những tư tưởng không hề mới, nhưng cho tới tận lúc đó còn chưa có ảnh hưởng gì, do chưa gặp được những mảnh đất thích hợp để có thể gieo mầm.

Tuy nhiên, trên thực tế người ta đã nhắc đi nhắc lại chúng biết bao lần, những tư tưởng mà vào thời điểm ấy đã cuốn hút những tâm hồn. Chúng đã biểu thị từ lâu rồi trong chính sách của người Anh. Hai nghìn năm trước, các tác giả Hy Lạp và La Mã đã từng bảo vệ quyền tự do, nguyền rủa những bạo chúa và công bố các quyền của nhân dân tối thượng.

Những người tư sản làm Cách mạng, mặc dù đã biết, cũng giống như cha ông họ, tất cả những chuyện này trong sách ở nhà trường, mà lại không hề rung động với chúng, bởi lẽ thời điểm chúng có thể làm xúc động họ vẫn chưa đến. Làm thế nào mà nhân dân lại sẽ có thể bị những tư tưởng ấy tác động mạnh đến thế vào cái thời mà họ đã quen tuân theo những thứ bậc trật tự xã hội như là những điều hoàn toàn tự nhiên?

Tác động thực sự của các triết gia đối với sự phát sinh của cuộc Cách mạng không phải là những gì mà người đời thường gán cho họ. Họ chẳng phát hiện được điều gì mới, nhưng đã phát triển được tinh thần phê phán mà những giáo điều không kháng cự lại được, khi mà sự phân rã của chúng đã sẵn sàng.

Do ảnh hưởng của sự phát triển tinh thần phê phán này mà những sự vật đang bắt đầu mất đi sự kính trọng hết mực ngày càng trở nên ít được kính trọng hơn. Khi uy tín và truyền thống đã mất đi thì cơ cấu xã hội cũng sụp đổ một cách bất ngờ.

Sự tan rã dần dần này cuối cùng đã lan xuống tới dân chúng, nhưng đã không bắt đầu từ họ. Nhân dân chỉ đi theo những tấm gương, chứ không không tạo ra chúng bao giờ.

Các triết gia, những người đã không thể gây được ảnh hưởng gì tới nhân dân, nhưng lại gây được ảnh hưởng rất to lớn đối với các giai cấp có học thức của dân tộc. Giới quý tộc ăn không ngồi rồi đã duy trì từ lâu ngoài vòng chức phận, do vậy có thói hay công kích, đã để cho họ dắt mũi. Không có khả năng nhìn thấy trước điều gì, tầng lớp này là những người đầu tiên lay động mọi truyền thống, trong khi đó là lý do tồn tại hàng đầu của chính họ. Cũng tràn đầy chủ nghĩa nhân đạo và chủ nghĩa duy lý như giai cấp tư sản hiện nay, nó không ngừng đào xói những đặc quyền của mình bằng những lời phê phán. Cũng giống như ngày nay, chính trong số những người được ưu đãi nhờ vận may đã từng gặp những người cải lương hăng hái nhất. Giới quý tộc đã khuyến khích những bài văn nghị luận về khế ước xã hội, về quyền con người, về sự bình đẳng giữa các công dân. Họ từng hoan hô những vở kịch của nhà hát phê phán đặc quyền đặc lợi, sự độc đoán, sự bất tài của những người có địa vị và sự lạm dụng thuộc mọi loại.

Ngay khi con người mất lòng tin vào những cơ sở của nền tảng tinh thần dẫn dắt hành vi của họ, họ cảm thấy khó chịu về điều đó, rồi tiếp đến là sự bất bình. Tất cả các giai cấp đều cảm thấy mất đi dần dần những nguyên nhân hành động ngày trước của mình. Những ai từng có uy thế trong con mắt họ từ hàng thế kỷ nay đều không còn uy tín nữa.

Tinh thần hay chống đối của các nhà văn và của giai cấp quý tộc đã không đủ để làm lay động sức nặng rất to lớn của những truyền thống, nhưng tác động của nó còn được chồng ghép lên những ảnh hưởng sâu sắc khác. Chúng tôi đã nói ở trên, khi trích dẫn Bossuet, rằng trong chế độ cũ, chính phủ tôn giáo và chính phủ dân sự, ngày nay rất tách biệt nhau, đều kín đáo liên hệ với nhau. Động chạm đến một thì tất yếu sẽ động chạm đến chính phủ kia. Vậy mà, ngay cả trước khi tư tưởng quân chủ bị lay động, sức mạnh của truyền thống tôn giáo đã được khởi đầu rất rõ trong những bộ óc có học thức. Những tiến bộ không ngừng của tri thức đã từng làm chuyển dịch ngày càng mạnh hơn đầu óc con người từ thần học sang khoa học bằng cách đối chứng chân lý quan sát thấy với chân lý được phát giác.

Sự tiến hóa tâm thần, dù rằng hiện còn tương đối không chính xác, cũng đã cho phép nhận ra rằng các truyền thống trong khi dẫn dắt con người suốt nhiều thế kỷ, vẫn không có cái giá trị mà người ta từng gán cho chúng, và rằng có thể sẽ đến lúc cần phải thay thế chúng.

Nhưng đâu là nơi phát hiện ra những yếu tố mới có thể thay thế cho truyền thống? Đâu là nơi đi tìm cái đũa thần kỳ đủ sức dựng lên một kết cấu xã hội mới, trên nền những mảnh vỡ của cái kết cấu mà chúng ta không còn bằng lòng nữa?

Sự chấp thuận đã nhất trí gán cho lý tính quyền lực mà truyền thống và các vị thần dường như đã đánh mất. Làm sao có thể nghi ngờ sức mạnh của nó? Những phát minh của nó đã từng là vô số, liệu có là chính đáng nếu giả thiết rằng đem lý tính vận dụng cho việc xây dựng các xã hội, nó sẽ làm biến dạng chúng hoàn toàn? Vai trò có thể có của nó do vậy sẽ lớn lên rất nhanh trong các bộ óc khi truyền thống đối với họ ngày càng tỏ ra không đáng kể.

Năng lực tối thượng này được gán cho lý tính cần phải được xem như là ý tưởng tuyệt đỉnh, ý tưởng không những đã sản sinh ra cuộc Cách mạng, mà còn quản trị được nó hoàn toàn. Trong suốt tiến trình cách mạng, con người đã hiến thân cho những cố gắng kiên trì nhất nhằm phá bỏ quá khứ và xây nên những xã hội mới trên một bình đồ mới được logic gợi ý.

Lan tỏa từ từ xuống tới nhân dân, những lý thuyết theo chủ nghĩa hợp lý của các triết gia được tóm lược cho họ như một khái niệm giản đơn rằng mọi sự vật trước kia từng được xem như đáng kính giờ đây không còn đáng kính nữa. Vì con người đã được tuyên bố là bình đẳng, những ông chủ xưa kia nay không còn được tuân thủ nữa.

Quần chúng đã dễ dàng quen với việc không phải tiếp tục kính cẩn những gì mà chính các giai cấp thuộc tầng lớp trên cũng đã ngừng kính trọng. Khi hàng rào ngăn của sự kính trọng đã sụp đổ, nghĩa là cuộc Cách mạng đã được thực hiện.

Hậu quả đầu tiên của tâm tính mới này là một tình trạng bất phục tùng phổ biến. Bà Vigee-Lebrun kể rằng tại đoạn đường đi dạo Longchamp, những người thuộc nhóm bình dân đã chỉ tay vào những bậc lên xuống của những xe ngựa bốn bánh sang trọng, miệng nói rằng “Năm sau chúng ta sẽ ngồi trong xe còn các người sẽ chạy đằng sau.”

Tầng lớp bình dân không phải nhóm người duy nhất biểu lộ sự bất phục tùng và sự bất bình. Những tình cảm này từng mang tính phổ biến ngay trước cuộc Cách mạng: “Tầng lớp tăng lữ bậc thấp, Taine viết, thù nghịch với các giáo sỹ cao cấp, giới quý tộc tỉnh với giới quý tộc triều đình, các chư hầu với công hầu, nông dân với thị dân,...”.

Trạng thái tinh thần lan tỏa từ giới quý tộc và giới tăng lữ đến dân chúng cũng đã xâm chiếm tâm hồn của quân đội. Vào thời điểm mở cửa Quốc hội, Necker đã nói: “Chúng tôi không tin tưởng vào quân đội”. Các sỹ quan trở thành những người nhân ái và triết lý. Những người lính được tuyển mộ, vả chăng, trong giai tầng hạ đẳng nhất của dân chúng thì không triết lý, nhưng lại không còn tuân lệnh nữa. Trong bộ não yếu kém của họ, bình đẳng chỉ đơn thuần là loại bỏ các chỉ huy và, do đó, cả toàn bộ sự tuân lệnh. Năm 1790, hơn hai mươi trung đoàn đã đe dọa những sĩ quan của mình, và đôi khi, như tại Nancy, còn tống họ vào tù.

Sự vô chính phủ về tinh thần, sau khi đã gây tác dụng đối với mọi giai cấp của xã hội, đã xâm lấn vào quân đội, trở thành nguyên nhân chủ yếu làm biến mất chế độ cũ.

“Chính sự bỏ hàng ngũ của quân đội sau khi thấm nhuần những tư tưởng của Đẳng cấp thứ ba đã xóa bỏ nhà nước quân chủ”. Rivarol đã viết.

2. Vai trò giả định của các triết gia thế kỷ XVIII trong sự phát sinh của Cách mạng Pháp. Sự đối lập của họ với nền dân chủ.

Nếu các triết gia, được giả thiết là những người khởi xướng của cuộc Cách mạng Pháp, đã chiến đấu chống lại một số thành kiến và sự lạm dụng, chúng ta hoàn toàn không buộc phải cho rằng họ là những người tán thành chính thể nhân dân. Nền dân chủ, mà vai trò của nó trong lịch sử Hy Lạp họ đã biết, là thứ nhìn chung rất đáng ghét đối với họ. Thực ra, họ không phải không biết là những sự hủy hoại và bạo lực là những hiện tượng đi kèm không thay đổi của nó và họ cũng biết rằng vào thời của Aristote nó đã được định nghĩa là: “Một Nhà nước mà mọi việc, kể cả luật pháp đều phụ thuộc vào quần chúng được nâng thành kẻ chuyên chế và được điều khiển bởi mấy người hùng biện”.

Pierre Bayle, tiền bối đích thực của Voltaire, đã nhắc lại bằng những lời lẽ sau đây những hậu quả mà chính thể bình dân tại Athens đã gây ra:

“Nếu người ta đã thấy một lịch sử từng phô bày một khoảng dài những sự xáo động của các tập hợp người, những bè đảng từng chia rẽ thành phố này, những cuộc phản loạn từng làm xáo động thành phố, những thần dân lừng danh nhất bị truy hại, bị lưu đầy, bị trừng phạt tử hình theo ý thích của một kẻ diễn thuyết dữ tợn nghe chối tai, người ta sẽ kết luận rằng dân tộc ấy trong khi rất tự hào về nền tự do của mình, xét về bản chất, lại là nô lệ của một dúm những kẻ âm mưu mà họ gọi là những kẻ mị dân, những kẻ xui khiến người ta khi thì quay sang phía này, khi lại quay sang phía khác, tùy theo sự thay đổi điều đam mê của chúng, gần giống như mặt biển khi thì tạo sóng đẩy bên này, khi lại đẩy bên kia, tùy theo sự thay đổi của hướng gió. Các vị sẽ uổng công tìm ở Macedoine, một nhà nước quân chủ, số lượng những ví dụ về bạo chính mà lịch sử Athens có thể cung cấp.”

Nền dân chủ cũng không quyến rũ được Montesquieu. Sau khi đã mô tả ba dạng chính thể: nhà nước cộng hòa, nhà nước quân chủ và chính phủ chuyên chế, ông đã chỉ ra một cách rất đầy đủ những gì mà chính thể nhân dân có thể đạt tới một cách dễ dàng.

“Người ta từng tự do với luật pháp, người ta muốn tự do chống lại chúng; những gì là châm ngôn, người ta gọi là sự cứng nhắc; những gì là quy tắc, người ta gọi là sự gò bó. Trước kia là tài sản của các cá nhân nay tạo thành kho bạc công cộng; nhưng ngày xưa là kho báu công cộng nay trở thành gia sản của các cá nhân. Nhà nước Cộng hòa là một xác lột và sức mạnh của nó chỉ còn là quyền lực của vài cá nhân và sự phóng túng của mọi người.

… Hình thành những tiểu bạo chúa mà tất cả đều có những thói xấu của một người duy nhất. Sắp tới, những gì còn lại của tự do sẽ trở nên không thể chịu nổi; một bạo chúa duy nhất sẽ nổi lên, và nhân dân sẽ mất hết, cho tới cả những lợi thế trong sự mua chuộc của họ.

Nền dân chủ như vậy có hai điều thái quá cần phải tránh: tinh thần bình đẳng cực đoan sẽ dẫn nó tới sự chuyên chế của một người duy nhất, cũng như sự chuyên chế của một người duy nhất sẽ dẫn đến sự chinh phục.”

Lý tưởng của Montesquieu từng là thể chế lập hiến của Anh quốc, một thể chế đã ngăn cản chế độ quân chủ thoái hóa thành chủ nghĩa chuyên chế. Ảnh hưởng của triết gia này tuy vậy, vào thời điểm của cuộc Cách mạng, cũng rất yếu ớt.

Về phần những nhà bách khoa thư mà người ta cũng gán cho họ vai trò lớn, họ không mấy quan tâm đến chính trị, có lẽ chỉ trừ Holbach, một người theo chủ nghĩa quân chủ tự do giống như Voltaire và Diderot. Họ bảo vệ trước hết là quyền tự do cá nhân, chiến đấu chống lại sự lấn sân của Nhà thờ ngày ấy rất không khoan dung và là kẻ thù của các triết gia. Do không phải là người theo chủ nghĩa xã hội, cũng không phải là dân chủ, cuộc Cách mạng không phải dùng một nguyên tắc nào của họ. Chính Voltaire cũng tỏ ra rất ít thông cảm với nền dân chủ :

“Nền dân chủ, ông nói, dường như chỉ thích hợp với một nước nhỏ, mà nó còn phải nằm ở một vị trí may mắn. Nhỏ bé thế nào thì nó cũng sẽ gây ra rất nhiều sai sót, bởi vì nó sẽ bao gồm những con người. Sự bất chỉnh hợp sẽ thống trị tại đấy giống như trong một tu viện của các thày tu; nhưng ở đấy sẽ không có Saint-Barthélemy, cũng không cả những cuộc thảm sát ở Irlande và ở Vêpres trên đảo Sicile, cũng không có Tòa án dị giáo, không có kết án khổ sai phải chèo thuyền chiến, vì đã lấy nước ở biển mà không trả tiền, ít ra là người ta không cho rằng nhà nước cộng hòa này bao gồm những con quỷ tại một góc của địa ngục.”

Tất cả những người khởi xướng mạo xưng này của Cách mạng, như vậy, đều đã có những quan điểm rất ít mang tính lật đổ, và thật là khó mà gán cho họ một sự ảnh hưởng đáng kể nào đối với sự phát triển của phong trào cách mạng. Rousseau là một trong số hiếm hoi triết gia dân chủ trong thời đại của ông và vì vậy mà Khế ước xã hội đã trở thành kinh thánh cho những người theo Trào lưu Khủng bố. Ông dường như đã cung cấp một sự biện minh hợp lý cần thiết cho những hành động phái sinh từ những sự thôi thúc thần bí và tình cảm vô thức mà không một triết gia nào từng gợi nên.

Tuy nhiên, thực ra những bản năng dân chủ của Rousseau khá là đáng nghi ngờ. Chính ông cũng cho rằng những dự án cải cách xã hội của mình dựa trên quyền tối cao của nhân dân chỉ có thể vận dụng được cho một thành phố thật bé nhỏ. Và khi mà những người Ba Lan yêu cầu ông cho một dự án hiến pháp dân chủ, ông đã cho họ lời khuyên hãy chọn một vị vua thế tập.

Trong số những luận thuyết của Rousseau thì thuyết liên quan đến sự hoàn thiện trạng thái xã hội nguyên thủy có nhiều thành công nhất. Ông đã khẳng định, cùng với những nhà văn khác nhau thuộc thời đại mình, rằng những con người nguyên thủy từng là hoàn hảo, và đã chỉ bị hư hỏng bởi chính xã hội. Trong khi thay đổi các xã hội ấy bằng những luật lệ tốt đẹp, người ta có thể sẽ lấy lại được hạnh phúc thời bình minh của thế giới. Xa lạ với toàn bộ khoa tâm lý học, ông tin rằng con người là giống nhau qua thời gian và không gian và từng coi họ phải hành động theo những thiết chế và luật lệ giống nhau. Điều đó ngày ấy là một niềm tin chung.

“Những thói hư tật xấu và đức hạnh của một dân tộc đều luôn luôn là một hiệu ứng tự nhiên trong nền pháp chế của nó… Làm sao có thể nghi ngờ đức hạnh của mọi dân tộc đều không là hệ quả của sự khôn khéo, ít nhiều hoàn hảo, của sự quản lý?” Helvetius viết.

Có lẽ không thể có sự sai lầm nào lớn hơn.

3. Những tư tưởng triết học của giới tư bản vào thời điểm Cách mạng Pháp.

Tương đối khó xác định rõ những quan niệm triết học và xã hội của một người tư sản Pháp vào thời điểm của cuộc Cách mạng. Chúng có thể được rút lại thành một vài công thức về bác ái, sự bình đẳng và chính thể nhân dân, được tóm lược trong bản Tuyên ngôn Nhân quyền nổi tiếng mà chúng tôi sẽ có dịp trích dẫn một số đoạn.

Những triết gia của thế kỷ XVIII có vẻ như không được các nhà cách mạng Pháp đánh giá thật cao. Trên thực tế, đúng là hiếm khi họ được trích dẫn trong các bài tham luận. Bị thôi miên bởi những ký ức của họ về Hy Lạp và La Mã, các nhà làm luật mới này đã đọc lại Platon và Plutarque. Họ muốn làm sống lại bản hiến pháp của Sparte, những thói quen, cuộc sống thanh đạm và những luật pháp của nó.

Lycurgue, Solon, Miltiade, Manlius Torquatus, Brutus, Mucius Scavola, cả Minos nữa đều đã trở nên quen thuộc trên diễn đàn cũng như trong các nhà hát và dân chúng đã rất say mê họ. Những cái bóng các anh hùng của thế giới cổ đại vẫn còn trùm lên những đám tập hợp cách mạng. Chỉ con cháu đời sau mới phải lặp lại điều đó đối với các triết gia của thế kỷ XVIII.

Như vậy, chúng ta thấy rằng trên thực tế những con người của thời đại ấy, nhìn chung được trình bày như những người sáng tạo, được dẫn dắt bởi các triết gia tinh tế, không hề có tham vọng tạo mới, mà trở lại một quá khứ đã bị chôn vùi từ lâu trong những sự không chắc chắn của lịch sử và, một quá khứ mà chính họ cũng chưa bao giờ hiểu được gì.

Những người phải chăng hơn cả, đã không lấy những mô hình quá xa, chỉ nghĩ một cách giản đơn là dập theo thể chế lập hiến của người Anh, mà Montesquieu và Voltaire từng ca ngợi những nét ưu việt và rằng mọi dân tộc rốt cuộc đều cần phải bắt chước mà không gây ra khủng hoảng nghiêm trọng.

Những tham vọng của họ chỉ giới hạn ở mức hoàn thiện nhà nước quân chủ đang hiện diện, mà không muốn lật đổ nó. Nhưng trong thời kỳ cách mạng, những chặng đường đã vượt qua thường rất khác với những gì mà người ta dự định đi qua. Trong thời kỳ triệu tập Quốc hội, không một ai có thể dự kiến rằng một cuộc cách mạng của giới tư sản hòa bình và có học lại chuyển hóa nhanh chóng thành một trong số những nền độc tài đẫm máu nhất trong lịch sử.

Chương IV. Những ảo tưởng tâm lý của Cách mạng Pháp

1. Những ảo tưởng về con người nguyên thủy, về sự quay lại trạng thái tự nhiên và về tâm lý của nhân dân.

Chúng tôi đã nhắc lại, và sẽ còn quay lại nữa, rằng những sai lầm của một học thuyết không gây hại cho sự lan tỏa của nó, nên ảnh hưởng của nó đối với đầu óc con người là điều duy nhất cần xem xét.

Nhưng nếu việc phê bình các sai lầm tỏ ra ít có ích lợi thực tiễn, nó lại rất thú vị về phương diện tâm lý học. Nhà triết học có nguyện vọng phát hiện con người bị xúc động như thế nào sẽ phải luôn luôn nghiên cứu cặn kẽ những ảo tưởng mà họ từng trải nghiệm. Có lẽ không bao giờ, trong tiến trình của lịch sử, những điều ấy lại hiện ra sâu sắc đến thế và nhiều đến thế vào thời điểm của cuộc Cách mạng.

Một trong những quan niệm rõ rệt nhất là quan niệm đặc biệt mà người ta đã rút ra từ tự nhiên của tổ tiên sớm nhất của chúng ta và về những xã hội nguyên thủy. Nhân chủng học vẫn còn chưa phát hiện được những điều kiện tồn tại của tổ tiên xa xưa của chúng ta, hoặc đã chấp nhận theo ảnh hưởng của những câu chuyện kể trong Kinh thánh rằng con người bước vào đời đã hoàn thiện từ bàn tay của Đấng Tạo hóa. Các xã hội đầu tiên đã tạo ra những mô hình, về sau bị biến chất bởi đời sống văn minh và lẽ ra đã phải trở lại những mô hình ấy. Sự trở về với trạng thái tự nhiên sẽ sớm trở thành tiếng gọi chung. “Nguyên lý cơ bản của mọi đạo đức mà tôi đã suy luận trong những công trình của mình, Rousseau nói, là coi con người là một bản thể tốt một cách tự nhiên, yêu công lý và trật tự.”

Khoa học hiện đại, trong khi xác định những điều kiện sinh tồn của thủy tổ chúng ta dựa theo các mảnh vỡ của những công cụ, đã chứng minh được từ lâu sự sai lầm của luận thuyết này. Theo đó, con người nguyên thủy đã trở thành kẻ dã man thô thiển, cũng như con người dã man thời hiện đại, không biết gì là lòng nhân từ, đạo đức và lòng thương. Bị chi phối duy nhất bởi những thôi thúc bản năng, anh ta vội xông tới chỗ con mồi của mình khi cái đói đẩy anh ta ra khỏi hang, và nhảy xổ vào kẻ thù khi bị sự thù hận kích động. Do lý tính khi đó còn chưa xuất hiện nên nó không thể có ảnh hưởng gì đến những bản năng của họ.

Mục tiêu của đời sống văn minh, ngược lại với toàn bộ lòng tin cách mạng, không phải là quay lại trạng thái của tự nhiên, mà chủ yếu là để thoát khỏi nó. Điều đó thể hiện ở chỗ chính những người thuộc phái Jacobin đưa con người về tình trạng nguyên thủy thông qua việc phá hủy mọi cái phanh hãm xã hội mà không có chúng thì không một đời sống văn minh nào có thể tồn tại và vì thế họ đã làm biến đổi một xã hội văn minh hóa thành một bầy người dã man.

Những tư tưởng của các nhà lý luận về bản chất của con người có giá trị đại thể như những tư tưởng của một vị tướng La Mã về sức mạnh của những sự đoán điềm lành dữ. Ảnh hưởng của họ như là động cơ hành động từng rất lớn. Hội Quốc ước đã luôn luôn phỏng theo chúng.

Những sai lầm liên quan đến tổ tiên nguyên thủy của chúng ta đều đáng được tha thứ, bởi vì trước khi có những phát hiện của thời hiện đại, các điều kiện sống thực sự của họ vẫn hoàn toàn không được biết rõ. Và sự không biết rõ hoàn toàn về tâm lý của những con người vây quanh các nhà lý luận của cách mạng Pháp còn khó giải thích hơn nhiều.

Dường như các triết gia và các nhà văn thế kỷ XVIII thực sự đã không có chút nào năng lực quan sát. Họ đã sống ở giữa những người đương thời của mình mà không nhìn thấy họ, cũng không hiểu họ. Đặc biệt, họ không có chút nghi ngờ nào về bản chất thực sự của tâm hồn nhân dân. Con người của nhân dân bao giờ cũng hiện ra đối với họ theo khuôn đúc ảo tưởng được sinh ra bởi những giấc mơ của họ. Không hiểu biết về tâm lý học cũng như những bài học của lịch sử, họ coi con người ấy như là người tốt tự nhiên, trìu mến, biết ơn và luôn sẵn sàng lắng nghe lẽ phải.

Những bài tham luận của các thành viên Hội đồng lập hiến cho thấy chiều sâu ảo tưởng của họ. Khi những người nông dân bắt đầu đốt phá những lâu đài, họ đã rất ngạc nhiên về điều đó và gửi đến những bài diễn văn đa cảm cầu xin những người đó ngừng lại, nhằm không “làm đau khổ hoàng đế anh minh của họ” và van nài họ đem lại sự ngạc nhiên cho nhà vua bằng đức hạnh của họ”.

2. Những ảo tưởng về khả năng tách con người khỏi quá khứ của họ và về sức mạnh cải biến được gán cho luật pháp.

Một trong những nguyên lý được dùng làm cơ sở cho các thiết chế cách mạng là con người có thể dễ dàng tách ra khỏi quá khứ của mình và rằng mỗi xã hội đều có thể được tạo lập lại toàn bộ bằng những thiết chế. Được thuyết phục bởi ánh sáng của lý trí rằng ngoài những thời đại nguyên thủy được dùng làm hình mẫu, quá khứ là một di sản của những dị đoan và những sai lầm, nên những người lập pháp đã quyết định đoạn tuyệt với nó. Để làm nổi rõ mục tiêu này, họ đã tạo ra một thời đại mới, thay đổi lịch, thay đổi tên gọi của các tháng và các mùa.

Giả thiết rằng mọi người đều giống nhau, họ đã nghĩ rằng có thể làm luật cho cả loài người. Condorcet đã tưởng là mình phát biểu một chân lý rõ ràng khi nói rằng “Một bộ luật tốt phải tốt cho tất cả mọi người, giống như một giả thiết trong môn hình học luôn đúng đối với mọi người.”

Các nhà lý luận của cuộc Cách mạng không bao giờ đoán thấy những động lực vô hình dẫn dắt họ ẩn đằng sau những sự vật nhìn thấy được. Đã phải vận dụng tất cả những tiến bộ của khoa sinh vật học để chỉ ra những sai lầm của họ nặng nề biết bao và mỗi con người phụ thuộc vào quá khứ của mình đến mức nào.

Những nhà cải cách của cuộc Cách mạng luôn đụng chạm phải ảnh hưởng này của quá khứ, nhưng họ không bao giờ hiểu được nó. Họ đã muốn xóa bỏ nó và chính họ lại bị nó loại bỏ.

Lòng tin của các nhà lập pháp vào sức mạnh tuyệt đối dành cho các thiết chế và các bộ luật, từng bị lay chuyển mạnh vào cuối cuộc Cách mạng, lúc khởi đầu là trọn vẹn. Gregoire đã nói trên diễn đàn Hội đồng lập hiến mà không gây ra bất kỳ sự ngạc nhiên nào: “Chúng tôi có thể, nếu như chúng tôi muốn, thay đổi tôn giáo, nhưng chúng tôi không muốn vậy.” Người ta biết rằng sau đó họ đã thực sự muốn làm như vậy, và người ta cũng chứng kiến mưu toan của họ đã thất bại thảm hại thế nào.

Trong khi đó phái Jacobin có trong tay tất cả những yếu tố thành công. Nhờ vào những hành động bạo ngược cứng rắn nhất, mọi cản trở đều bị đập nát, những bộ luật mà họ thích áp đặt đều luôn được chấp nhận. Sau mười năm bạo lực, hoàng tàn, đốt phá, tàn sát và đảo lộn, sự bất lực của họ biểu lộ ra hiển nhiên đến mức họ sụp đổ dưới con mắt chê bai, lên án của mọi người. Kẻ độc tài khi đó bị cả nước Pháp kháng nghị, đã buộc phải khôi phục phần lớn những gì từng phá bỏ.

Mưu toan của phái Jacobin tái tạo xã hội nhân danh lý tính thuần khiết là một cuộc thí nghiệm của lợi ích tối cao. Hoàn cảnh có thể sẽ không bao giờ đến với con người để lặp lại nó ở một tầm to lớn như vậy.

Mặc dù bài học đã nhận được là khủng khiếp, nhưng nó dường như vẫn chưa đủ đối với nhiều bộ óc, bởi vì ngay cả vào thời nay, chúng ta vẫn thấy những người theo phái Xã hội khuyến nghị tổ chức lại xã hội trong mọi chi tiết theo những kế hoạch viển vông của họ.

3. Những ảo tưởng về giá trị lý thuyết của những nguyên lý cách mạng lớn lao.

Những nguyên lý cơ bản mà Cách mạng vận dụng để tạo dựng một quyền mới đã được nói trong Bản Tuyên ngôn Nhân quyền được trình bày tuần tự vào các năm 1789, 1793 và 1795. Tất cả đều nhất trí tuyên bố rằng: “Nguyên lý về quyền tối thượng nằm ngay trong dân tộc.”

Tuy nhiên, ba bản tuyên ngôn này có sự khác nhau về nhiều điểm, chủ yếu là về bình đẳng. Bản năm 1789 chỉ nói đơn giản, tại điều 1: “Mọi người đều sinh ra và tồn tại tự do và bình đẳng về quyền lợi.” Phiên bản năm 1793 đi xa hơn và khẳng định, tại điều 3: “Mọi người đều bình đẳng về bản chất.” Phiên bản năm 1795 khiêm tốn hơn và nói, tại điều 3: “Sự bình đằng thể hiện ở chỗ luật pháp đối với mọi người đều như nhau.” Ngoài ra, sau khi trình bày về các quyền, bản Tuyên ngôn sau cùng cho là nên nói về nghĩa vụ. Tinh thần của nó cũng không khác gì của sách Phúc âm. Điều 2: “Mọi nghĩa vụ của con người và của công dân đều toát ra từ hai nguyên tắc mà tự nhiên đã khắc vào mọi trái tim: đừng gây ra cho người khác những gì mà bản thân không muốn người khác gây ra cho mình; hãy thường xuyên làm cho người khác những điều tốt đẹp mà bản thân mình cũng mong nhận được. ”

Những phần cốt lõi của các Bản Tuyên ngôn này, cũng là những phần duy nhất đã thực sự sống mãi, là quyền bình đẳng và quyền tối cao của nhân dân.

Mặc dù sự yếu kém của nội dung thuần lý, vai trò khẩu hiệu của phái cộng hòa “tự do, bình đẳng, bác ái” là rất đáng kể.

Công thức diệu kỳ này từng được khắc trên những bức tường của chúng ta trong khi chờ nó đi sâu vào trái tim ta đã thực sự có sức mạnh siêu phàm mà những người tài giỏi gán cho một số lời phát ngôn.

Do những hy vọng mới được khơi gợi bởi những lời hứa hẹn của nó, sức mạnh lan tỏa của nó là rất to lớn. Hàng nghìn người đã bị giết vì nó. Ngay giờ đây cũng vậy, khi một cuộc cách mạng bùng nổ tại một nơi nào đó trên thế giới, cũng chính công thức ấy luôn sẽ được người ta nhắc lại.

Sự lựa chọn của nó thật là may mắn. Nó thuộc vào hàng những câu châm ngôn không rõ ràng, những tác nhân khơi gợi ước mơ mà mỗi người được tự do luận giải theo ý muốn của mình, theo sự thù hận hoặc theo những ước vọng của mình. Về mặt lòng tin, ý nghĩa thực của những từ ngữ này không mấy quan trọng, cái ý nghĩa mà người ta gán cho chúng mới chính là thứ tạo sức mạnh cho chúng.

Trong ba nguyên lý của khẩu hiệu cách mạng, sự bình đẳng đã sinh ra nhiều hệ quả nhất. Chúng ta sẽ thấy trong một phần khác của công trình này rằng đây gần như nguyên lý duy nhất đã sống mãi và hiệu ứng của nó cho đến nay vẫn thấy rõ.

Đây chưa chắc là cuộc Cách mạng từng đưa ra tư tưởng về sự bình đẳng đầu tiên trên thế giới. Thậm chí chưa cần đi ngược dòng lịch sử tới những nhà nước cộng hòa Hy Lạp, chúng ta có thể nhận xét rằng lý thuyết bình đẳng đã từng được giảng dạy một cách rõ nét nhất bởi Đạo Cơ đốc và Đạo Hồi. Tất cả mọi người, những bề tôi của cùng một Chúa Trời, đều được bình đẳng trước Ngài và được đánh giá duy nhất dựa theo những giá trị của họ. Giáo lý về sự bình đẳng của các tâm hồn trước Đấng Tạo hóa là một giáo điều cốt yếu cả đối với những người Hồi giáo cũng như những người Cơ đốc giáo. Nhưng công bố một nguyên lý vẫn chưa đủ để làm người ta tuân thủ nó. Nhà thờ Cơ đốc đã từ bỏ nhanh chóng sự bình đẳng lý thuyết của mình, và các nhà Cách mạng cũng chỉ tính đến nó trong những bài tham luận mà thôi.

Ý nghĩa của từ bình đẳng biến đổi tùy theo những hạng người sử dụng nó. Nó thường che đậy những tình cảm rất đối nghịch với ý nghĩa thực và khi đó nó phản ánh nhu cầu khẩn thiết không muốn có ai bên trên mình, nối tiếp với lòng mong muốn không kém phần sống động là cảm thấy mình ở trên những người khác.

Với những người Jacobin của cuộc Cách mạng, cũng như với những người tương tự thời nay, thuật ngữ bình đẳng từng chuyển tải đơn giản là một sự hằn thù ghen ghét mọi sự hơn người. Để xóa bỏ chúng, họ có tham vọng thống nhất các phong tục, các phong cách, các trang phục, các hoàn cảnh. Mọi sự chuyên chế, khác với cái mà họ đang thực hành, theo họ đều dường như là bỉ ổi.

Do không thể tránh được những bất bình đẳng tự nhiên từng gây sốc cho họ, họ đã phủ nhận chúng. Bản Tuyên ngôn Nhân quyền thứ hai, phiên bản năm 1793, khẳng định, mâu thuẫn với điều hiển nhiên, rằng:

“Mọi người đều bình đẳng về bản chất.”

Dường như đúng là cơn khát cực độ về sự bình đẳng chỉ che dấu ở nhiều nhà Cách mạng một nhu cầu dữ dội về sự bất bình đẳng. Napoleon đã buộc phải khôi phục cho họ những tước hiệu quý tộc cùng những huân huy chương. Sau khi chỉ ra rằng chính là ở những nhà cách mạng dữ tợn nhất mình đã tìm ra những công cụ cai trị dễ sai khiến nhất, Taine nói thêm :

“Ngay lập tức, bên dưới những bài giảng đạo của họ về tự do và bình đẳng, ông đã làm sáng tỏ những bản năng độc đoán, nhu cầu sai khiến, nhu cầu đứng đầu, thậm chí trong đám thuộc hạ, và thêm vào đó, ở phần lớn trong số họ, những sự thèm khát tiền bạc hoặc lạc thú. Giữa một đại biểu của Ủy ban Cứu quốc và ông bộ trưởng, ông tỉnh trưởng hoặc phó tỉnh trưởng của Đế chế sự khác biệt chỉ là nhỏ bé: đó cùng là một con người dưới hai bộ quần áo, đầu tiên là trong bộ cánh của quân cách mạng Pháp, sau là trong bộ đồ thêu diêm dúa.”

Giáo điều về bình đẳng đã có hệ quả đầu tiên là lời tuyên bố, bởi giới tư sản, về quyền tối thượng của nhân dân. Quyền tối thượng này vẫn mãi là lý thuyết trong suốt tiến trình của cuộc Cách mạng.

Nguyên lý bình đẳng đã là di sản lâu dài của cuộc Cách mạng. Hai từ tự do và bác ái từng được đóng khung trong khẩu hiệu của phái Cộng hòa vẫn mãi chỉ có một tác dụng rất nhỏ bé. Người ta thậm chí còn có thể nói rằng tác dụng ấy hoàn toàn bằng không trong suốt tiến trình của cuộc Cách mạng và của Đế chế, và chỉ phục vụ cho việc tô điểm cho những bài tham luận.

Ảnh hưởng của chúng chỉ tăng thêm chút ít về sau. Bác ái chưa từng được vận dụng bao giờ, còn về tự do thì các dân tộc vẫn mãi chẳng mấy bận tâm. Hiện nay, những người công nhân đã hoàn toàn bỏ rơi nó trong các nghiệp đoàn của mình.

Tóm lại, mặc dù khẩu hiệu của phái Cộng hòa từng được áp dụng rất ít, nhưng nó đã có một ảnh hưởng thật to lớn. Từ cuộc Cách mạng này, chỉ còn lại trong tâm thức nhân dân ba từ nổi tiếng ấy, những từ đã tóm lược tài liệu cơ sở của nó và là điều mà những đạo quân của nó đã truyền bá khắp Châu Âu.

# Quyển II. Những ảnh hưởng hợp lý, tình cảm, thần bí và tổng hợp trong tiến trình của cuộc Cách mạng

Chương I. Tâm lý học của hội đồng lập hiến

1. Những ảnh hưởng tâm lý nảy sinh trong Cách mạng Pháp.

Trong cội nguồn của cuộc Cách mạng Pháp cũng như trong tiến trình của nó đã nảy sinh những yếu tố hợp lý, tình cảm, thần bí và tổng hợp, mỗi thứ bị chi phối bởi những logic khác nhau. Như tôi đã nói, chính vì không biết cách tách bạch những ảnh hưởng riêng của chúng mà có bao nhà sử học đã luận giải rất kém về giai đoạn này.

Yếu tố lý tính nhìn chung được nhắc tới như một phương tiện để giải thích, trong thực tế lại gây ảnh hưởng yếu hơn cả. Nó đã đóng vai trò chuẩn bị cho cuộc Cách mang Pháp, nhưng chỉ được duy trì vào những thời điểm đầu cách mạng, khi nó còn hoàn toàn là cách mạng tư sản. Ảnh hưởng của nó được thể hiện trong rất nhiều biện pháp, như các dự án cải cách thuế, việc xóa bỏ đặc quyền của một giới quý tộc vô tích sự,...

Kể từ khi Cách mạng thâm nhập vào quần chúng nhân dân, ảnh hưởng của yếu tố lý tính tan biến đi nhanh chóng trước sức ảnh hưởng của các yếu tố tình cảm và tổng hợp. Về phần những yếu tố thần bí, chỗ dựa cho lòng tin cách mạng, chúng khiến cho quân đội trở nên cuồng tín và đã truyền ra khắp thế giới một tín ngưỡng mới.

Chúng ta sẽ thấy xuất hiện tuần tự trong các sự kiện và trong tâm lý của các cá thể những ảnh hưởng khác nhau. Quan trọng hơn cả có lẽ là ảnh hưởng thần bí. Cách mạng không tự hiểu được nhiều, người ta không thể nhắc lại điều đó quá, rằng nó được xem như là sự hình thành của một tín ngưỡng tôn giáo. Những gì mà chúng tôi đã nói ở chỗ khác về tất cả các tôn giáo, do vậy, cũng có thể vận dụng cho nó. Bằng cách lùi lại, chẳng hạn, chương trước về Phong trào Cải cách, chúng ta sẽ thấy rằng nó phản ánh một sự tương đồng hơn cả với cuộc Cách mạng này.

Sau khi đã tốn rất nhiều thời gian để chỉ ra giá trị thuần lý yếu ớt của các tôn giáo, các triết gia hôm nay bắt đầu luận giải tốt hơn vai trò của chúng. Họ đã bị thôi thúc nhiều để khẳng định rằng duy chỉ có chúng mới có một ảnh hưởng đủ để chuyển đổi tất cả những yếu tố của một nền văn minh.

Chúng xuất hiện ngoài lý tính và sở hữu sức mạnh định hướng cho các tư tưởng và tình cảm trong cùng một hướng. Lý tính thuần khiết không bao giờ từng có được một sức mạnh như thế, không phải nó là điều làm say mê con người.

Vẻ bề ngoài tôn giáo nhanh chóng khoác lên cuộc Cách mạng giải thích sức mạnh lan truyền của nó và uy thế mà nó đã thể hiện, đến nay vẫn còn thể hiện.

Ít có những nhà sử học đã hiểu được rằng phong trào rộng lớn này phải được xem như sự sáng lập ra một tôn giáo mới. Tôi nghĩ là Tocqueville là người đầu tiên dự cảm được điều đó.

“Cuộc Cách mạng Pháp, ông nói, là một cuộc cách mạng chính trị được thực hiện theo cách thức của một cuộc cách mạng tôn giáo và đã tiếp nhận đôi nét dáng vẻ của một cuộc cách mạng tôn giáo. Hãy nhìn xem bằng những nét hợp thức và đặc trưng nào, nó tỏ ra giống với những cuộc cách mạng tôn giáo: không chỉ ở chỗ nó lan truyền đi xa và rộng giống như chúng, mà, cũng như chúng, nó xâm nhập bằng lời thuyết giáo và bằng sự tuyên truyền. Một cuộc cách mạng chính trị từng tạo ra sức mạnh lôi kéo cải đạo mà người ta truyền giảng nồng nhiệt cho người nước ngoài cũng như thực hiện nó một cách đam mê tại nước mình: hãy nhìn kỹ xem một tấn kịch mới mẻ biết bao.”

Khía cạnh tôn giáo của cuộc Cách mạng đã được chấp nhận, người ta có thể tự lý giải dễ dàng về những cơn thịnh nộ và những sự tàn phá của nó. Lịch sử chỉ rõ cho chúng ta trong thực tế chúng bao giờ cũng kèm theo sự ra đời của những tôn giáo. Cuộc Cách mạng Pháp cũng vậy, nó phải kích động sự không khoan dung và bạo lực, điều mà các vị thần đắc thắng đòi hỏi ở những tín đồ của mình. Nó đã đảo lộn cả châu Âu trong suốt hai mươi năm, tàn phá nước Pháp, làm chết hàng triệu con người và phải trả giá bằng nhiều cuộc xâm lược, nhưng nhìn chung chỉ bằng cái giá của những cuộc thảm họa như vậy, một dân tộc mới có thể thay đổi tôn giáo.

Nếu yếu tố thần bí bao giờ cũng là nền tảng của những tôn giáo này, thì một số yếu tố tình cảm và lý tính cũng sẽ sớm chồng phủ lên nó. Tôn giáo như vậy là phương tiện tập hợp những tình cảm, những sự đam mê, những lợi ích thuộc lĩnh vực tình cảm. Lý tính sau đó bao trùm lên tất cả để cố gắng biện minh cho những sự kiện mà, nó không hề góp phần tạo ra.

Vào thời điểm của cuộc Cách mạng, mỗi người, tùy theo cảm hứng của mình, đã khoác lên tôn giáo mới một bộ áo duy lý khác nhau. Các dân tộc chỉ nhìn thấy trong đó sự loại bỏ những tôn ti và những ách chuyên chế tôn giáo và chính trị mà họ đã từng phải nếm trải nhiều đến thế. Những nhà văn như Goethe, những nhà tư tưởng, như Kant, tưởng mình đã phát hiện tại đây sự khải hoàn của lý tính. Những người nước ngoài, như Humboldt, đã đến nước Pháp “để hít thở bầu không khí tự do và tham dự vào cuộc chôn vùi chế độ chuyên chế ”.

Những ảo tưởng trí tuệ này không kéo dài được bao lâu. Sự diễn biến của tấn thảm kịch này đã nhanh chóng làm phát lộ những nền tảng thực sự của giấc mơ.

2. Sự giải thể chế độ cũ. Sự tập hợp của Quốc hội.

Trước khi biến thành hành động, các cuộc cách mạng ban đầu hiện ra lờ mờ trong ý tưởng. Được thai nghén từ những nguyên nhân đã phân tích trên đây, cuộc Cách mạng Pháp trên thực tế đã bắt đầu từ sự trị vì của Louis XVI. Mỗi ngày càng thêm bất bình và chống đối, giới tư sản đã tích thêm nhiều yêu sách. Ai ai cũng đòi hỏi cải cách.

Louis XVI đã thấu hiểu sâu sắc ích lợi của điều đó, song ông ta quá yếu thế, nên không thể áp đặt chúng đối với các tầng lớp quý tộc và tăng lữ. Ông ta thậm chí không thể ủng hộ những bộ trưởng của mình là Malesherbes và Turgot theo đường lối cải cách. Do những kỳ đói kém và tăng thuế, sự bần cùng của mọi giai tầng đã tăng thêm, nên những món tiền trợ cấp to lớn dành cho các quần thần của nhà vua đã trở nên tương phản đến mức chướng mắt trên cái nền chung của cảnh khốn quẫn.

Các thân hào được điều động để lo chấn chỉnh tình cảnh tài chính đó đều đã từ chối chấp nhận sự công bằng về thuế khóa và chỉ đưa ra những cải cách không đáng giá mà Quốc hội thậm chí không chấp thuận ghi vào danh mục. Đã đến mức phải giải tán nó. Các Hội đồng hàng tỉnh do đứng về phe với Paris nên cũng bị giải tán. Nhưng chúng là những cơ chế làm chủ dư luận và đã đẩy dư luận khắp nơi theo hướng đòi hỏi việc tập hợp Quốc hội mà đã gần hai thế kỷ chưa từng được triệu tập. Việc triệu tập đã được quyết định. Năm triệu người Pháp, trong đó có 100.000 người thuộc giáo hội và 150.000 quý tộc, đã gửi những đại biểu của mình. Cả thảy có 1.200 đại biểu, trong đó có 578 của đẳng cấp thứ ba, bao gồm những quan tòa, luật sư và thày thuốc. Từ 300 đại biểu của giới tăng lữ có 200 xuất thân từ bình dân tâm đắc với đẳng cấp thứ ba chống lại giới quý tộc và tăng lữ.

Ngay từ những cuộc họp đầu tiên, người ta đã nhìn thấy những sự xung đột về tâm lý giữa các đại biểu với nguồn gốc xã hội không bình đẳng nhau và do vậy có tình cảm khác nhau. Những bộ y phục lộng lẫy của các đại biểu có đặc quyền đã gây sự tương phản một cách đáng xỉ nhục với những bộ cánh tối màu của Tầng lớp Thứ ba.

Tại kỳ họp đầu tiên, các thành viên thuộc giới quý tộc và tăng lữ đội mũ miện theo đặc quyền của giai tầng mình trước nhà vua. Những người của Tầng lớp Thứ ba cũng muốn làm như thế, nhưng lại bị những kẻ có đặc quyền phản đối. Ngày hôm sau, sự xung đột của lòng tự ái lại nổ ra lần nữa. Những đại biểu của Tầng lớp Thứ ba mời các đại biểu quý tộc và tăng lữ đang ngồi trong những phòng tách biệt riêng đến ngồi chung với mọi người để tiến hành kiểm tra tư cách đại biểu. Các nhà quý tộc từ chối. Những cuộc thương lượng đã kéo dài hơn một tháng. Cuối cùng, các đại biểu của Tầng lớp Thứ ba theo đề nghị của tu viện trưởng Sieyes cho rằng họ đại diện cho 95% dân tộc đã tuyên bố thành lập Quốc hội. Cách mạng Pháp được khởi phát và sẽ diễn biến theo tiến trình bình thường của mình.

3. Hội đồng Lập hiến.

Sức mạnh của một đám tập hợp chính trị được sinh ra trước hết từ sự yếu kém của những đối thủ. Ngạc nhiên bởi ít sự kháng cự và được lôi kéo bởi sự thăng tiến của vài diễn giả, Hội đồng Lập hiến ngay từ khởi thủy đã phát ngôn và hành động ở thế tối thượng. Nó tự ban cho mình đặc biệt là quyền ban bố các loại thuế, xâm phạm nghiêm trọng các đặc quyền của quyền lực hoàng gia.

Sự kháng cự của vua Louis XVI khá yếu ớt. Ông ta chỉ đơn giản là ra lệnh đóng cửa phòng Hội đồng. Các đại biểu khi đó chuyển đến phòng Jeu de Paume (trò chơi bóng quần - ND) và tại đấy đã tuyên thệ rằng không giải tán cho đến khi Hiến pháp của vương quốc được thiết lập.

Đa số các đại biểu của giới tăng lữ đã tới ngồi họp cùng với họ. Vua đã cưỡng lại nghị quyết của Quốc hội và ra lệnh cho các đại biểu phải rút lui. Hầu tước Dreux-Breze, một bậc thầy về các lễ tiết đã mời họ thực hiện mệnh lệnh của nhà vua, nhưng chủ tịch Quốc hội đã tuyên bố rằng hội đồng quốc dân không thể nhận các mệnh lệnh và Mirabeau đã trả lời với phái viên của nhà vua rằng Quốc hội được tái lập theo nguyện vọng của quốc dân nên chỉ rời khỏi đây trước sức mạnh của lưỡi lê. Nhà vua đành nhượng bộ.

Ngày 9 tháng 6, cuộc họp của các đại biểu đã có được danh xưng Hội đồng Lập hiến. Lần đầu tiên sau hàng thế kỷ, nhà vua bị ép buộc phải công nhận sự tồn tại của một quyền lực mới mà trước kia chưa từng được biết đến, đó là quyền lực của nhân dân với đại diện là những dân biểu. Chế độ quân chủ chuyên chế đã chấm dứt.

Cảm nhận được sự đe dọa ngày càng lớn hơn, vua Louis XVI đã triệu đến xung quanh cung điện Versailles những trung đoàn lính đánh thuê nước ngoài. Quốc hội đề nghị rút quân, nhưng Louis XVI đã từ chối và thải hồi Necker, thay thế bằng nguyên soái Broglie nổi tiếng là độc đoán.

Nhưng Quốc hội lại có trong tay những người bảo vệ khôn khéo, tháo vát. Camille Desmoulins và những người khác đã diễn thuyết hô hào quần chúng khắp nơi, kêu gọi họ bảo vệ tự do. Họ rung chuông báo động liên hồi, đã tổ chức một đội dân quân 12.000 người, xâm nhập vào Đền Invalides với súng ống, đại bác và chỉ huy những toán vũ trang tấn công ngục Bastille vào ngày 14 tháng 7. Pháo đài này chỉ tự vệ sơ sài và chịu đầu hàng sau vài giờ. Người ta tìm thấy ở đấy bảy người tù, trong đó có một người đần và bốn kẻ bị kết án sai.

Ngục Bastille, nơi cầm tù nhiều nạn nhân của sự độc đoán, đối với nhiều người là biểu trưng của chế độ quân chủ chuyên chế, nhưng nhân dân, người đã nghiền nát nó, đã không còn phải đau đớn vì nó nữa. Người ta chỉ còn giam tại đấy những người của giới quý tộc.

Ảnh hưởng của việc chiếm pháo đài này vẫn còn tiếp diễn cho đến ngày nay. Những nhà sử học có uy tín, như ngài Rambaud khẳng định rằng “việc chiếm ngục Bastille trong lịch sử là một sự kiện đỉnh điểm chẳng những trong lịch sử nước Pháp mà còn của cả châu Âu và rằng nó đã mở đầu một thời đại mới của lịch sử thế giới”.

Một sự cả tin như vậy có vẻ hơi quá mức. Tầm quan trọng của sự cố này duy nhất là ở chỗ về mặt tâm lý lần đầu tiên nó cung cấp cho nhân dân một bằng chứng rõ ràng về sự yếu kém của một chính quyền mà trước kia từng rất đáng sợ.

Khi nguyên lý độc đoán bị lay động trong tâm hồn nhân dân, nó sẽ tiêu tan đi rất nhanh. Người ta có thể đòi hỏi được điều gì từ một ông vua không có khả năng bảo vệ cái pháo đài chủ chốt của mình trước sự tấn công của nhân dân? Vị chúa tể được xem như toàn năng đã không còn là chính mình nữa.

Việc chiếm ngục Bastille là nguồn cội của của một trong những hiện tượng lây lan về tinh thần từng gặp đầy rẫy trong lịch sử của Cách mạng Pháp. Những đội quân đánh thuê người nước ngoài dẫu chỉ có thể quan tâm chút ít đến phong trào này cũng bắt đầu thể hiện những hội chứng nổi loạn. Louis XVI đã giảm thiểu chúng bằng cách chấp nhận giải tán những đội quân này. Ông triệu hồi Necker, thuận theo tòa thị chính, thừa nhận bằng sự hiện diện của mình những sự việc đã rồi, tiếp sau đã chấp thuận de La Fayette, người chỉ huy vệ quốc đoàn, phù hiệu mới màu xanh, trắng và đỏ liên kết các màu của thành phố Paris với những màu của nhà vua.

Nếu cuộc nổi loạn mà từ đó dẫn đến cuộc chiếm ngục Bastille hoàn toàn không thể được coi là “một sự kiện đỉnh điểm trong lịch sử”, thì nó cũng đã đánh dấu thời khắc chính xác sự ra đời của chính quyền bình dân. Quần chúng được vũ trang từ đây sẽ hằng ngày tham gia vào những cuộc thảo luận của các nhóm tập hợp cách mạng và sẽ có ảnh hưởng mạnh đến hành vi của chúng.

Việc can dự này của nhân dân thuận theo giáo lý về tính tối thượng của nó đã tạo ra sự khâm phục đầy kính trọng của nhiều nhà sử học về cuộc Cách mạng này. Một nghiên cứu cho dù là không sâu về tâm lý đám đông cũng dễ dàng chỉ ra cho họ rằng cái thực thể kỳ bí mà họ gọi là nhân dân thực ra đã phản ảnh đơn thuần ý chí của vài người thủ lĩnh. Do vậy, không nên nói: nhân dân đã chiếm ngục Bastille, tấn công Tuileries, xâm nhập Hội Quốc ước,... mà nên nói là: vài người thủ lĩnh đã kết nối, chủ yếu theo con đường trung gian của các câu lạc bộ, những băng đảng bình dân và tung họ vào những cuộc tấn công Bastille, Tuileries,... Trong suốt tiến trình cuộc Cách mạng Pháp, những đám đông đã tấn công hoặc bảo vệ các đảng phái đối nghịch nhau bậc nhất, tùy theo chỗ ai là thủ lĩnh của họ. Một đám đông bao giờ cũng chỉ có quan điểm của các thủ lĩnh của mình.

Việc chiếm ngục Bastille đã tạo ra một trong những dạng thức ám thị mạnh mẽ nhất chắc là đã được nối tiếp trong sự phá hủy những trại giam lớn khác. Rất nhiều lâu đài từng được coi như những ngục Bastille nhỏ, và để noi gương người Paris, những người nông dân cũng đã ra tay đốt phá chúng. Họ đã làm điều này một cách cuồng nhiệt hơn khi đó là nơi ở của các chúa đất mang những danh nghĩa tô thuế phong kiến. Đó dường như là một dạng của Jacquerie (khởi nghĩa nông dân ở Pháp – ND).

Hội đồng Lập hiến cao xa và kiêu hãnh biết bao đối với nhà vua, nhưng cũng như mọi đám tập hợp cách mạng khác nối tiếp nó sau này lại tỏ ra cực kì nhút nhát trước dân chúng.

Mong muốn đặt dấu chấm hết cho tình trạng hỗn loạn, nó đã chuẩn y vào đêm mùng 4 tháng 8 theo kiến nghị của một thành viên quý tộc, bá tước Noailles, việc bãi bỏ các quyền của lãnh chúa. Mặc dù biện pháp này chỉ một lần đã loại bỏ mọi đặc quyền của giới quý tộc, nhưng nó đã được bỏ phiếu với nước mắt rơi và những cái hôn. Sự tiếp cận mang tính cảm hứng đa cảm như vậy giải thích rất tốt điều ta nhớ lại rằng những biểu hiện xúc cảm đã lây truyền đến mức nào trong các đám đông, nhất là trong những đám tập hợp bị suy sút tinh thần bởi sự sợ hãi.

Nếu sự từ bỏ đặc quyền đặc lợi này của giới quý tộc đã xảy ra trước đó vài năm thì chắc là đã tránh được cuộc Cách mạng ngày ấy, nhưng nó lại xảy ra quá muộn. Nhượng quyền khi đã bị cưỡng ép chỉ càng làm tăng thêm những đòi hỏi của những người đòi nhượng quyền. Trong chính trị, cần phải biết tiên lượng và nhượng bộ thật sớm trước khi bị cưỡng bức làm như vậy.

Louis XVI đã do dự suốt hai tháng trước khi chuẩn y những quyết nghị của Quốc hội đêm mùng 4 tháng 8. Ông đã rút lui về Versailles. Các thủ lĩnh đã điều tới đó một tốp đàn ông, đàn bà bình dân gồm 7 hay 8 000 người với lời khẳng định rằng trong nơi ở của hoàng gia có những kho dự trữ lớn bánh mì. Những hàng rào sắt của cung điện đã bị xô đổ, những vệ sỹ bị giết chết, nhà vua cùng toàn gia đình bị đưa về Paris giữa đoàn người đang la hét, trên mũi giáo của họ có cắm thủ cấp của những người lính bị sát hại. Chuyến đi kinh hoàng này kéo dài sáu tiếng đồng hồ. Những sự kiện này đã tạo thành cái mà người ta gọi là Những ngày tháng Mười.

Chính quyền nhân dân đã lớn mạnh và trên thực tế, nhà vua cũng như Quốc hội từ nay ở vị thế nằm trong tay nhân dân, nghĩa là hoàn toàn phó mặc cho các câu lạc bộ và các thủ lĩnh của chúng. Chính quyền bình dân này chắc là đã thống trị được mười năm và cuộc Cách mạng sẽ trở thành sự nghiệp hầu như của riêng họ. Luôn tuyên bố rằng nhân dân là chủ nhân ông tối thượng, Quốc hội đã từng rất lúng túng bởi những cuộc nổi loạn nhiều đến mức vượt xa những dự đoán theo lý thuyết. Nó đã tưởng rằng mọi việc sẽ trở lại trật tự bằng cách thảo ra một hiến pháp nhằm đảm bảo hạnh phúc vĩnh cửu cho mọi người.

Chúng ta đều biết rằng trong suốt tiến trình cuộc Cách mạng, một trong những mối quan tâm của các Quốc hội là soạn thảo, sắp xếp và làm lại những bản hiến pháp. Các nhà lý luận đã từng dành cho chúng, và ngày nay vẫn vậy, quyền cải biến xã hội. Quốc hội do vậy không thể thất bại trong trách nhiệm này. Trong khi chờ đợi, nó đã long trọng công bố một bản Tuyên ngôn Nhân quyền trong đó tóm lược những nguyên lý của mình.

Hiến pháp, những bản tuyên bố, những bản tuyên ngôn và những cuộc tranh luận không hề gây được ảnh hưởng dù là nhỏ nhất tới phong trào quần chúng, cũng như tới sự bất đồng ý kiến đang lớn dần từng ngày trong lòng Quốc hội. Cơ quan này đã phải nếm trải ngày càng rõ ràng hơn sự đi lên của phe đảng mạnh nhất có chỗ dựa là những câu lạc bộ. Các thủ lĩnh có ảnh hưởng, Danton, Camille Desmoulins, muộn hơn về sau là Marat và Hébert, đã từng kích động một cách dữ dội tầng lớp bình dân bằng những diễn từ và báo chí của họ. Người ta đã trượt xuống nhanh chóng trên con dốc dẫn tới những cực đoan.

Trong thời gian của những nhiễu nhương này, nền tài chính không được cải thiện. Bị thuyết phục hoàn toàn rằng những bài diễn văn bác ái sẽ không cải thiện được gì cho tình trạng tài chính thảm hại này và đã nhìn rõ một cuộc vỡ nợ đáng lo ngại, Quốc hội đã ban bố sắc lệnh ngày 2 tháng 11 năm 1789 tịch thu những tài sản của Nhà thờ. Các nguồn thu của Nhà thờ, bao gồm cả thuế thập phân thu từ các con chiên với số lượng khoảng 200 triệu và tổng giá trị của tài sản ước tính là ba tỉ. Chúng nằm trong tay của vài trăm giáo sĩ cao cấp, tu viện trưởng,... chiếm hữu tới một phần tư nước Pháp. Những tài sản này, từ đó được coi là tài sản quốc gia, tạo thành sự đảm bảo cho các tín phiếu với loạt phát hành đầu là 400 triệu. Công chúng lúc đầu đã chấp nhận, nhưng số tín phiếu đã tăng lên quá nhiều trong thời kì Hội Quốc ước và Ban Đốc chính, phát hành tới 45 tỉ, đến nỗi một tín phiếu 100 bảng chỉ còn giá trị bằng vài xu.

Được động viên bởi các quần thần, vua Louis XVI yếu kém đã cố gắng một cách tuyệt vọng đấu tranh chống lại các sắc lệnh của Hội đồng Lập hiến bằng cách từ chối phê chuẩn chúng.

Do ảnh hưởng những sự ám chỉ hằng ngày của các thủ lĩnh và sự lây lan về tinh thần, phong trào cách mạng lan tỏa khắp nơi một cách độc lập với Quốc hội, thậm chí đôi khi còn chống lại nó.

Trong các thành phố và các làng hình thành nên những hội đồng thị chính cách mạng được bảo vệ bởi những đội vệ quốc cách mạng địa phương. Các hội đồng của những thành phố cạnh nhau đã bắt đầu thỏa thuận với nhau để tự vệ khi cần thiết. Bằng cách đó đã hình thành nên những liên minh mà không lâu sau đó sẽ hòa làm một rồi gửi về Paris, tới Champ-De-Mars 14.000 vệ quốc quân vào ngày 14 tháng bảy năm 1790. Tại đấy, nhà vua đã tuyên thệ sẽ duy trì Hiến pháp do Quốc hội ban bố.

Mặc dù lời có tuyên thệ tuyệt vọng này, người ta thấy ngày càng trở nên rõ ràng hơn rằng không có một thỏa ước nào là khả dĩ giữa những nguyên tắc thừa kế từ nhà nước quân chủ và những nguyên tắc đã được Quốc hội ban bố.

Tự cảm thấy hoàn toàn bất lực, nhà vua không chỉ nghĩ tới việc chạy trốn nữa. Bị bắt tại Varennes và bị đưa về Paris như một tù nhân, ông ta bị nhốt trong cung Tuileries. Quốc hội, dù rằng vẫn bảo hoàng, đã đình chỉ các quyền lực của nhà vua và quyết định một mình đảm nhận chức trách của chính phủ.

Chưa từng có vị vua nào lại rơi vào tình cảnh khó khăn như Louis XVI vào thời điểm chạy trốn của ông ta. Thiên tài của một Richelieu cũng chỉ tạm đủ để thoát khỏi tình cảnh đó. Yếu tố phòng vệ duy nhất mà ông có thể dựa vào là quân đội thì ngay từ đầu đã hoàn toàn quên ông ta.

Không nghi ngờ gì rằng, trong suốt thời gian hoạt động của Hội đồng lập hiến, do đại đa số người Pháp và Quốc hội vẫn là những người bảo hoàng, nên nhà vua nếu dùng cách chấp nhận một thể chế quân chủ tự do thì đã có thể được giữ tại vị. Louis XVI dường như cũng chả có mấy con bài để thỏa thuận với Quốc hội.

Chả có mấy con bài, chắc chắn là vậy, nhưng với kết cấu tinh thần của mình, nhưng lá bài ít ỏi này đối với ông ta cũng tuyệt đối không khả dĩ. Tất cả những hình bóng của tổ tiên sẽ được dựng lên trước mặt ông, nếu ông thỏa thuận thay đổi cơ chế của nhà nước quân chủ cha truyền con nối. Vậy mà, giả như ông ta đã cố thử làm, thì cũng không bao giờ có thể vượt qua được sự phản kháng của gia đình mình, của đám tăng lữ, của giới quý tộc và của triều đình.

Những đẳng cấp trước kia từng là chỗ dựa của nhà nước quân chủ, các giới quý tộc và tăng lữ khi đó cũng từng có uy thế như bản thân nhà vua. Tất cả những lần mà nhà vua làm ra vẻ nhượng bộ đối với những mệnh lệnh của Quốc hội đều là bởi sự ép buộc bằng sức mạnh và đơn giản là để được thả lỏng nhằm kéo dài thời gian. Sự cầu viện đến nước ngoài là quyết định của một con người tuyệt vọng thấy mọi chỗ dựa tự nhiên của mình đã sụp đổ. Ông ta, mà trước hết là hoàng hậu, đã trông chờ vào những ảo tưởng lạ lùng bậc nhất về sự hỗ trợ khả dĩ của nước Áo, một quốc gia đối đầu với nước Pháp từ nhiều thế kỷ. Nếu quốc gia này chấp nhận, mà cũng rất nhạt nhẽo, đến cứu viện cho nhà vua, thì đó chỉ là vì họ kỳ vọng vào một sự đền bù lớn. Mercy, đại sứ Áo cho biết quốc gia này đã đòi hỏi thù lao là vùng Alsace, các xứ Alpes và Navarre.

Những thủ lĩnh của các câu lạc bộ sau khi thấy Quốc hội quá bảo hoàng, đã phát động nhân dân chống lại. Một bản kiến nghị đã được ký để thúc giục Quốc hội triệu tập chính quyền lập hiến mới để bắt tay vào việc xử vua Louis XVI.

Bất chấp mọi chuyện, vẫn giữ nguyên tính chất bảo hoàng và phát hiện ra là Cách Mạng Pháp đã mang một tính cách quá mị dân, Quốc hội quyết tâm tự vệ chống lại những mưu toan của đám bình dân. Một tiểu đoàn của vệ quốc đoàn do La Fayette chỉ huy được gửi tới Champ-de-Mars, nơi đám đông tụ tập, để giải tán. Chừng năm mươi người biểu tình bị giết.

Quốc hội cũng không kiên trì lâu trong những ý định thoáng qua về sự kháng cự. Trở lại trạng thái rất sợ hãi trước quần chúng, nó lại tăng thêm sự ngạo nghễ đối với nhà vua, mỗi ngày lại lấy đi của ông ta một chút đặc quyền và quyền lực. Ông ta chỉ còn hơn một chút so với một viên chức bình thường với nhiệm vụ thực thi những gì mà người khác mong muốn.

Quốc hội tưởng rằng mình có thể thực thi được quyền lực đã tước đoạt của nhà vua, nhưng nhiệm vụ ấy hóa ra vô cùng quá sức so với những nguồn lực của họ. Một quyền lực bị xé lẻ quá mức. “Tôi không biết từng có điều gì kinh khủng hơn một chính quyền tối cao gồm tới 600 người.” Mirabeau nói.

Sau khi tự lừa dối mình tập trung tất cả quyền lực và thực thi chúng theo cách của Louis XIV, không lâu sau Quốc hội đã không thực hiện được thêm bất cứ quyền nào trong số đó.

Theo đà yếu dần quyền lực của Quốc hội, tình trạng vô chính phủ đã tăng dần. Các thủ lĩnh không ngừng thúc đẩy quần chúng đứng lên. Sự nổi dậy đã trở thành sức mạnh duy nhất.

Hằng ngày Quốc hội đều bị quấy rầy theo cách đe dọa và ra lệnh bởi những đám người ồn áo, những đoàn đại biểu hống hách.

Tất cả những phong trào bình dân mà Quốc hội luôn phải phục tùng do sự sợ hãi, thực ra, tôi nhắc lại, không có gì là bột phát. Chúng đơn giản là phản ánh những quyền lực mới của các câu lạc bộ và của Công xã hình thành bên cạnh quyền lực của Quốc hội.

Mạnh nhất trong số những câu lạc bộ ấy là câu lạc bộ của phái Jacobin, phái đã nhanh chóng tạo ra được tới trên năm trăm câu lạc bộ cấp hàng tỉnh cùng tiếp nhận từ nó khẩu hiệu hành động. Vai trò của nó luôn giữ vị trí thống trị trong suốt cuộc Cách mạng. Sau khi trở thành ông chủ của Quốc hội, nó cũng đã trở thành ông chủ của nước Pháp và chỉ có một đối thủ duy nhất là Công xã của những người nổi dậy mà quyền lực của nó, thực tế, chỉ được thực hiện tại Paris.

Sự yếu kém của Quốc hội và tất cả những khiếm khuyết của nó đã khiến cho nó mất lòng dân trầm trọng. Nó đã biết được điều đó và tự nhận thấy ngày càng bất lực, nên đã đẩy nhanh việc soạn thảo bản Hiến pháp mới để mở đường cho mình tự giải thể. Hành động cuối cùng của nó là ban bố một cách rất vụng về sắc lệnh, theo đó không một thành viên Hội đồng lập hiến nào có quyền được bầu lại vào Hội đồng Lập pháp. Những thành viên của cơ quan mới này do vậy không được thừa hưởng kinh nghiệm mà những người tiền nhiệm đã tích lũy được.

Bản Hiến pháp này đã hoàn thành ngày 3 tháng 9 năm 1791 và được nhà vua phê chuẩn vào ngày 13, khi đó đã được Quốc hội trao lại quyền.

Hiến pháp này đã quy định một chính thể đại nghị, ủy nhiệm quyền lập pháp cho các dân biểu và quyền hành pháp cho nhà Vua mà nó đã công nhận là có quyền phủ quyết những sắc lệnh do Quốc hội ban hành. Những đơn vị hành chính cấp tỉnh kiểu mới (département) đã thay thế cho các tỉnh (province) trước kia. Các loại thuế cũ đã được loại bỏ và được thay thế bằng những thuế trực thu mà ngày nay vẫn còn hiệu lực.

Quốc hội, cơ quan vừa thay đổi các đơn vị lãnh thổ và đảo lộn toàn bộ tổ chức xã hội kiểu cổ, đã tự cho là đủ mạnh để biến đổi cả tổ chức tôn giáo của đất nước. Đặc biệt là nó có tham vọng tổ chức nhân dân bầu các thành viên của giới tăng lữ, và như thế là làm cho họ thoát khỏi ảnh hưởng của bề trên tối cao, tức là của Giáo hoàng.

Kết cấu dân sự này của giới tăng lữ là cội nguồn của những cuộc chiến đấu và những cuộc truy hại tôn giáo kéo dài tới tận Thời Tổng tài. Hai phần ba số giáo sỹ đã từ chối lời tuyên thệ mà người ta đòi hỏi ở họ.

Trong thời gian ba năm tồn tại của Hội đồng lập hiến, Cách mạng Pháp đã đạt được những thành quả đáng kể. Kết quả chính có lẽ là bắt đầu chuyển cho Đẳng cấp Thứ ba những của cải của các giai cấp có đặc quyền. Người ta đã lôi kéo như thế những hội viên nhiệt tình với chế độ mới, đồng thời khơi gợi lên những lợi ích cần bảo vệ. Một cuộc cách mạng nhờ lấy việc thỏa mãn những thèm muốn làm chỗ dựa, do vậy đã có được sức mạnh to lớn.

Đẳng cấp Thứ ba, những người đã đoạt chỗ của giai cấp quý tộc và những người nông dân đã mua những tài sản quốc gia đều dễ dàng nhận ra rằng sự phục hồi chế độ cũ sẽ tước bỏ hết những lợi thế này. Bảo vệ một cách kiên quyết cuộc Cách mạng đối với họ cũng đồng nghĩa với bảo vệ tài sản mới của chính họ.

Và đó là nguyên do vì sao mà chúng ta thấy trong một phần thời gian của cuộc Cách mạng, có tới một nửa số tỉnh (département) đã nổi dậy một cách vô vọng chống lại chế độ chuyên chế từng đè nén họ. Phái cộng hòa đã chiến thắng mọi phe phái đối lập. Họ đã rất mạnh, vì đã bảo vệ không những một lý tưởng mới, mà còn cả những lợi ích vật chất. Chúng ta sẽ thấy tác động của hai yếu tố này trải dài suốt tiến trình Cách mạng và đóng góp nhiều cho sự thiết lập đế chế.

Chương II. Tâm lý học của hội đồng lập pháp

1. Những sự kiện chính trị diễn ra trong thời kỳ tồn tại của Hội đồng lập pháp.

Trước khi bắt tay vào phân tích những đặc trưng tinh thần của Hội đồng lập pháp, chúng tôi xin tóm tắt ngắn gọn các sự kiện chính trị quan trọng ghi dấu sự tồn tại ngắn ngủi trong vòng một năm của nó. Chúng dĩ nhiên đã đóng vai trò to lớn đối với những biểu hiện tâm lý học của Hội đồng lập pháp.

Mang nặng tinh thần quân chủ chủ nghĩa, Hội đồng lập pháp cũng đã không bận tâm gì nhiều hơn so với tổ chức tiền nhiệm về việc phá bỏ chế độ quân chủ. Đối với nó, nhà Vua có vẻ đáng nghi ngờ đôi chút, nhưng dù sao nó vẫn hi vọng có thể giữ được ông ta.

Nhưng thật không may cho Hội đồng lập pháp, Louis XVI liên hồi yêu cầu sự can thiệp của nước ngoài. Giam mình trong điện Tuileries và chỉ được bảo vệ bởi những vệ binh Thụy sĩ, nhà vua rụt rè bị dao động giữa những ảnh hưởng đối lập nhau. Ông ta trợ cấp cho những tờ báo được định hướng cho việc thay đổi công luận, nhưng người trình bày chúng lại là những nhà báo xoàng không tên tuổi, hoàn toàn không nắm được kỹ năng tác động lên tâm hồn của những đám đông. Phương tiện thuyết phục duy nhất của họ là đe dọa xử giảo tất cả những người theo Cách mạng và báo trước sự xâm nhập của một đạo quân đến giải thoát nhà vua.

Chế độ quân chủ chỉ còn trông cậy vào các vương triều ngoại quốc. Các nhà quý tộc đã di cư ra nước ngoài. Nước Phổ, nước Áo, nước Nga đều đe dọa chúng ta về một cuộc chiến tranh xâm lấn. Chính triều đình đã tạo thuận lợi cho những âm mưu của chúng.

Để đối lại với liên minh của các nhà vua chống lại nước Pháp, câu lạc bộ Jacobin đã đưa ra liên minh các dân tộc chống lại các nhà vua. Phái Girondin khi đó cùng với phái Jacobin đã nắm quyền lãnh đạo phong trào cách mạng. Họ kích động trang bị vũ khí cho quần chúng. 600 000 tình nguyện viên đã được trang bị. Triều đình đã chấp nhận một nội các Girondin. Bị nội các này chế ngự, Louis XVI đã buộc phải đề xuất với Quốc hội một cuộc chiến tranh chống nước Áo và nó đã được bỏ phiếu thông qua tức thời.

Khi tuyên bố chiến tranh, nhà vua đã không thực lòng. Hoàng hậu đã tiết lộ với người Áo những kế hoạch chiến dịch của chúng ta và cả bí mật những cuộc thảo luận của Hội đồng.

Những bước đầu của cuộc chiến thật tồi tệ. Nhiều toán quân hoảng sợ, chạy tán loạn. Được các câu lạc bộ kích động, bị thuyết phục, mà sự thật là vậy, rằng Nhà Vua đồng mưu với nước ngoài, nhân dân các vùng ngoại ô đã nổi dậy. Các thủ lĩnh của họ, những người Jacobin và trước hết là Danton, sai họ đem tới Quốc hội, ngày 20 tháng 7, một bản kiến nghị đe dọa phế truất nhà Vua. Tiếp đó, họ thâm nhập Điện Tuileries và thóa mạ nhà vua.

Định mệnh đã đẩy Louis XVI dần đến số phận bi thảm của ông ta. Trong khi sự đe dọa của những người Jacobin chống lại chế độ quân chủ đã làm phẫn nộ nhiều tỉnh, người ta lại thấy một đạo quân của nước Phổ được điều động đến vùng biên giới với Lorraine.

Niềm hi vọng của nhà Vua và Hoàng hậu liên quan đến sự hỗ trợ nhận được từ nước ngoài khá là ảo tưởng. Marie-Antoinette đã tỏ ra hoàn toàn ảo tưởng cả về tâm lý của người Áo cũng như của người Pháp. Khi thấy nước Pháp bị khiếp sợ bởi mấy kẻ phát điên vì quá hăng say, bà ta đã nghĩ rằng cũng có thể làm hoảng sợ người Paris bằng sự đe dọa và đưa họ trở lại dưới quyền của nhà Vua. Được bà ta khích lệ, Fersen đã làm trung gian môi giới để công bố bản tuyên ngôn của công tước Brunswick đe dọa Paris sẽ bị “lật đổ hoàn toàn, nếu người ta động đến gia đình nhà vua”.

Hiệu quả đã được thể hiện ngay lập tức, nhưng hoàn toàn trái ngược với điều mong đợi.

Bản tuyên ngôn đã gây ra sự công phẫn chống lại nhà vua vì bị coi là đồng lõa và càng làm tăng sự thất nhân tâm của ông ta. Kể từ ngày đó, nhà vua đã bị đưa vào danh sách xử trảm.

Bị Danton lôi kéo, các đại biểu của các phe nhóm đã thành lập tại Tòa thị chính thành phố một Công xã khởi nghĩa, tổ chức này đã bắt viên chỉ huy vệ binh quốc gia vốn trung thành với Vua, ra lệnh nổi chuông báo động liên hồi, tập hợp và kích động vệ binh quốc gia rồi tung đội quân này cùng với đám người bình dân xông vào chiếm Điện Tuileries vào ngày 10 tháng 8. Những tiểu đoàn được Louis XVI gọi tới đều đã phải chạy tán loạn. Không lâu sau đó, chỉ còn lại những người gác cổng và mấy viên quan hầu bảo vệ nhà vua. Hầu hết đều bị giết. Khi chỉ còn lại một mình, nhà Vua phải chạy trốn dưới trướng của Quốc hội. Đám đông đòi hỏi phế truất nhà vua. Hội đồng Lập pháp quyết định đuổi ông ta và để cho một Quốc hội tương lai, tức là Hội Quốc ước, quyết định số phận của ông ta.

2. Những đặc trưng tinh thần của Hội đồng lập pháp.

Hội đồng Lập pháp được thành lập với những con người mới, xét về mặt tâm lý học là một điều đáng quan tâm đặc biệt. Hiếm có những đám tập hợp có thể cung cấp những đặc trưng của các đoàn thể chính trị đến mức như vậy.

Hội đồng gồm có bảy trăm năm chục đại biểu được phân hóa thành các nhóm bảo hoàng thuần túy, bảo hoàng lập hiến, cộng hòa, Girondin và Montagnard. Giới luật sư và những người thuộc giới văn học chiếm đa số. Ta cũng có thể thấy ở đấy một số ít các giám mục theo phái lập hiến, những sĩ quan cao cấp, thày tu và rất hiếm những nhà bác học.

Những triết thuyết của các thành viên Hội đồng Lập pháp tỏ ra khá sơ đẳng. Nhiều người thấm đẫm những tư tưởng của Rousseau khích lệ sự quay lại với trạng thái tự nhiên. Nhưng cũng giống như những người tiền nhiệm, trước hết họ đều phụ thuộc vào tính chất cổ đại thời Hy Lạp và La Mã. Caton, Brutus, Gracchus, Plutarque, Marc-Aurèle, Platon là những cái tên liên tục được viện dẫn đã nói lên điều đó. Khi những diễn giả muốn lăng nhục Louis XVI, họ nhắc đến Caligula.

Trong khi mong muốn phá bỏ truyền thống, họ là những người cách mạng, nhưng khi thể hiện tham vọng quay về với quá khứ xa xưa, họ lại tỏ ra rất phản động. Tất cả mọi lý thuyết có khá ít ý nghĩa đối với hành vi của họ. Lý trí luôn xuất hiện trong những bài diễn thuyết, nhưng lại không bao giờ hiện hữu trong hành động của họ. Họ luôn luôn bị lệ thuộc vào những sự ám thị tình cảm và thần bí mà sức mạnh của chúng đã bao lần được chúng tôi nhắc tới.

Các đặc trưng tâm lý học của Hội đồng Lập pháp cũng là những đặc trưng của Hội đồng lập hiến, nhưng còn rõ nét hơn nhiều. Chúng có thể được tóm tắt trong bốn từ: tính mẫn cảm, tính hay thay đổi, sự nhát gan và sự yếu hèn.

Tính hay thay đổi và tính mẫn cảm biểu lộ rõ trong những biến thể không ngừng trong hành vi của họ. Một ngày nọ họ thóa mạ nhau ầm ĩ và đấm đá nhau, rồi ngày hôm sau người ta lại thấy “họ lao vào ôm hôn nhau với nước mắt tuôn trào.”

Họ hoan hô nhiệt thành một bức thư thỉnh nguyện đòi trừng phạt những ai kiến nghị phế truất vua, rồi cũng hôm đó trong buổi họp khác lại vinh danh ngay tức khắc một đoàn đại biểu đến yêu cầu sự phế truất ấy.

Sự nhát gan và sự yếu hèn của nó trước những mối đe dọa đã được thể hiện một cách đầy đủ. Mặc dù bảo hoàng, nó lại biểu quyết treo vương vị của nhà vua, rồi theo đòi hỏi của Công xã nó lại trao ông ta cùng gia đình cho Công xã để bắt họ phải lưu trú trong giáo đường.

Do sự yếu hèn của nó, nó đã tỏ ra không có khả năng, giống như Hội đồng lập hiến, thực thi bất cứ một quyền lực nào và đã để cho Công xã cùng các câu lạc bộ với các thủ lĩnh đầy quyền lực, như Hébert, Tallien, Rossignol, Marat, Robespierre,... lấn át.

Cho đến những ngày Thermidor năm 1794, Công xã khởi nghĩa đã trở thành quyền lực chủ yếu của Nhà nước và đã hành xử một cách chính xác như thể đã được trao trách nhiệm quản lý Paris.

Chính Công xã khởi nghĩa đã đòi hỏi việc giam giữ vua Louis XVI trong tháp Giáo đường, trong khi Quốc hội lại muốn giam giữ ông ta trong cung điện Luxembourg. Cũng chính Công xã đã tống giam những người bị nghi ngờ đầy các nhà tù rồi đã ra lệnh cắt cổ họ.

Người ta biết được rằng với biết bao mánh tinh vi tàn ác, một nhúm kẻ côn đồ gồm 50 tên được trả công 24 bảng mỗi ngày, dưới sự chỉ đạo của vài thành viên Công xã, đã tàn sát khoảng 1.200 tù nhân trong vòng bốn ngày. Đó chính là cái mà người ta gọi là Những cuộc thảm sát tháng Chín. Thị trưởng Paris, Petion, đã tiếp đón với sự kính trọng lũ giết người này và còn ra lệnh rót mời chúng rượu.

Quốc hội bị khiếp đảm lúc đầu đã vờ như không biết đến những cuộc thảm sát này, tức là những gì đã được nhiều thành viên có thế lực của nó khuyến khích, như Couthon và nhất là Billaud-Varenne.

Khi rốt cuộc Quốc hội đã chuyển sang chê trách những cuộc tàn sát này, nó vẫn không dám tìm cách ngăn cản sự tiếp diễn của chúng.

Nhận thức được sự bất lực của mình, Hội đồng Lập pháp cuối cùng đã tự giải tán sau đó 15 ngày để nhường chỗ cho Hội Quốc ước.

Những gì nó đã làm rõ ràng đều có hại, không phải trong ý định, mà là trong hành động. Mang danh bảo hoàng, nhưng nó đã bỏ rơi chế độ quân chủ; mang danh nhân đạo, nhưng nó lại để diễn ra Những cuộc thảm sát tháng Chín; mang danh hòa bình chủ nghĩa, nhưng nó lại đẩy nước Pháp vào một cuộc chiến tranh đáng sợ, và như thế nó chứng tỏ rằng một nền quản lý yếu bao giờ cũng dẫn đất nước đến sự đổ nát.

Lịch sử của hai Quốc hội Cách mạng đầu tiên thêm một lần nữa chứng minh rằng các sự cố luôn mang trong mình những phản ứng dây chuyền khắc nghiệt đến chừng nào. Chúng tạo ra mạng lưới chằng chịt của những nhu cầu, trong đó chúng ta đôi khi có thể chọn nhu cầu thứ nhất, nhưng sau đó nó lại phát triển vượt ra ngoài sự mong muốn của chúng ta. Chúng ta được tự do đối với một quyết định nhưng lại bất lực đối với những hệ quả của nó.

Những biện pháp đầu tiên của Hội đồng lập hiến từng là hợp lý và tự nguyện, nhưng các hậu quả kéo theo sau lại tuột khỏi tầm kiểm soát của ý nguyện, của mọi lý lẽ và mọi điều tiên liệu.

Những người của năm 1789 là ai, tức là những người đã dám mong muốn, hoặc dự kiến cái chết của Louis XVI, những cuộc chiến tranh của Vendee, Trào lưu Khủng bố, những cuộc xử tử hình thường xuyên, tình trạng vô chính phủ, và sau cùng thêm nữa là sự trở về với quá khứ, với trật tự bởi bàn tay thép của một anh lính?

Trong sự diễn tiến này của những sự kiện, tức là những sự kiện kéo theo sau những hành động đầu tiên của những đám tập hợp cách mạng, gây ấn tượng nhất có lẽ là sự ra đời và phát triển của chính thể thuộc quyền của những đám đông.

Đằng sau những sự kiện mà chúng tôi từng nhắc tới, như việc chiếm ngục Bastille, sự xâm nhập vào cung điện Versailles, Những cuộc tàn sát tháng Chín, những cuộc tấn công cung điện Tuileries, việc sát hại những vệ binh gác cổng triều đình, sự phế truất và giam hãm nhà Vua, chúng ta có thể phát hiện một cách dễ dàng những quy luật logic của các đám đông và của những thủ lĩnh của chúng.

Bây giờ chúng ta sẽ thấy quyền lực của của quần chúng được thực thi ngày càng nhiều hơn, chế ngự tất cả những thế lực khác rồi cuối cùng thay thế chúng.

Chương III. Tâm lý học của hội Quốc ước

1. Huyền thoại về Hội Quốc ước

Lịch sử của Hội Quốc ước không phải chỉ phong phú về tư liệu tâm lý học. Nó còn cho thấy tình trạng bất lực của những nhân chứng và thậm chí cả những người kế vị đầu tiên của họ trong việc đưa ra những phán xét chính xác về các sự kiện về một thời đại mà họ từng chứng kiến, cũng như về những con người xung quanh họ.

Đã hơn một thế kỷ trôi qua kể từ cuộc Cách mạng Pháp và người ta bắt đầu bày tỏ một cách khó khăn những điều phán xét ít nhiều chính xác, mặc dù thường vẫn còn chưa chắc chắn, về giai đoạn này.

Người ta đạt tới được những điều đó không phải chỉ nhờ những văn liệu mới được khai thác từ các kho lưu trữ, mà còn nhờ có những huyền thoại từng phủ một đám mây kỳ diệu lên bản hùng ca đẫm máu, đang dần biến đi trước sự lùi dần của thời gian.

Huyền thoại được lưu truyền dai dẳng nhất có lẽ là câu chuyện từng phủ vầng hào quang lên những nhân vật mà ông cha chúng ta đã nhắc đến bằng mỹ từ vẻ vang “Những người khổng lồ của Hội Quốc ước ”.

Những trận chiến của Hội Quốc ước chống lại nước Pháp nổi dậy và cả châu Âu súng ống trong tay đã gây ấn tượng đến mức người ta tưởng rằng các nhân vật anh hùng của cuộc chiến tuyệt vời này thuộc về một hạng Người Khổng lồ cao cấp hơn hẳn chúng ta.

Mỹ từ Người khổng lồ dường như là chính đáng cho tới khi mà các sự kiện của thời đại này còn hòa với nhau thành một khối thống nhất. Khi xem xét chúng như thể được gắn bó bởi những tình huống đơn thuần đồng thời với nhau, người ta lẫn lộn sự nghiệp của các đạo quân Cộng hòa với hành động của Hội Quốc ước. Vinh quang của nhóm người thứ nhất dội sang nhóm người thứ hai và được dùng làm lời tạ lỗi cho những cuộc tàn sát của Trào lưu Khủng bố, cho những sự tàn bạo của cuộc nội chiến, cho cảnh tàn phá của nước Pháp.

Dưới cái nhìn xuyên thấu của công tác phê bình hiện đại, cái khối không đồng nhất ấy đã tan rã từ từ. Các đạo quân của nhà nước Cộng hòa vẫn giữ được uy tín như trước, nhưng cần phải thừa nhận rằng những chính khách của Hội Quốc ước, bị thu hút duy nhất bởi những cuộc đấu tranh nội bộ, còn rất xa lạ với những thành tựu của họ. Nhiều nhất cũng chỉ có hai hoặc ba thành viên của một trong các Ủy ban của Quốc hội lo việc quân đội, và nếu những đạo quân này đã chiến thắng, thì đó là do bên cạnh số lượng của họ và tài năng của những vị tướng trẻ, còn nhờ lòng nhiệt tình đã sản sinh ra một niềm tin mới để thôi thúc họ.

Trong một chương sau đây, dành nói về quân đội cách mạng, chúng tôi sẽ chỉ rõ nó đã có thể chiến thắng được châu Âu với vũ khí trong tay như thế nào. Những đạo quân này ra đi lòng thấm đẫm những tư tưởng tự do, bình đẳng và khi đó đã tạo ra một Phúc âm mới, đến với những vùng biên giới, nơi sẽ giữ họ lại rất lâu, họ đã lưu giữ một tình cảm đặc biệt, rất khác với của chính phủ, những thứ mà lúc đầu họ còn chưa biết đến, rồi sau đó họ đã coi thường.

Rất xa lạ với những chiến thắng của quân đội, các thành viên của Hội Quốc ước chỉ dừng ở việc làm luật một cách không có chủ định theo mệnh lệnh của các thủ lĩnh, những người chỉ huy họ và giả bộ như đang làm tái sinh nước Pháp bằng sự trợ giúp của máy chém.

Tuy nhiên, chính là nhờ có những đạo quân dũng cảm ấy mà lịch sử của Hội Quốc ước đã chuyển hóa thành một sự tán dương gây ấn tượng mạnh của lòng sùng kính tôn giáo đối với nhiều thế hệ và đến nay mới bị xóa nhòa đôi chút.

Khi nghiên cứu theo từng chi tiết tâm lý những “Người Khổng lồ”của Hội Quốc ước, người ta đã nhanh chóng thấy tầm cao của họ suy sụp. Nhìn chung, họ thuộc một nhóm tầm thường quá khích. Những người bênh vực chính thức nhiệt thành nhất của họ, như ngài Aulard, cũng đã buộc phải công nhận điều đó.

Đoạn trích sau đây cho thấy nhà văn này thể hiện như thế nào trong cuốn Lịch sử của cuộc Cách mạng Pháp:

“Người ta đã nói rằng thế hệ của thời kỳ từ 1789 đến 1799, những con người đã làm nên những điều thật to lớn và thật kinh khủng, là một thế hệ của những người khổng lồ, hoặc, nói một cách đơn giản hơn, rằng đó là một thế hệ ưu tú hơn so với thế hệ trước đó, hoặc thế hệ sau đó. Đó là một ảo ảnh nhìn về dĩ vãng. Những công dân từng hợp thành các phe nhóm, hoặc là vệ binh thành phố Paris và Jacobin, hoặc vệ binh quốc gia mà qua họ cuộc Cách mạng Pháp đã được thực hiện, không có gì tỏ ra là ưu tú hơn cả về tri thức cũng như tài năng so với người Pháp thời Louis XV, hoặc người Pháp thời Louis Philippe. Những người mà lịch sử đã lưu danh là bởi họ đã xuất hiện trên vũ đài Paris, hoặc là bởi họ từng là những diễn giả xuất sắc nhất của những đám tập hợp cách mạng khác nhau, phải chăng họ là những người có năng khiếu xuất chúng? Mirabeau cho tới một thời điểm nào đó còn xứng đáng với cái tên là nhà hùng biện thiên tài. Nhưng những người khác, như Robespierre, Danton, Vergniaud, phải chăng họ thực sự có tài năng hơn những diễn giả của chúng ta thời nay, chẳng hạn? Trong năm 1793, tức là trong thời kỳ của những “Người Khổng lồ” mạo xưng, bà Roland viết trong những hồi ký của mình: “Nước Pháp đã từng như bị cạn kiệt nhân tài”; đây là một điều thực sự bất ngờ, vì thiếu họ, trong cuộc cách mạng này hầu như chỉ có những con người tầm thường.”